

Thiên Cổ Anh Hùng

Hàn Tín

*Tổ nghiên cứu nhân vật anh hùng thiên cổ của văn
hóa Thần truyền huy hoàng 5000 năm*

*Nguồn: **chanhkien.org** / Dịch từ: **epochtimes.com***

2024

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Chương 1: Lòng ôm chí lớn, ẩn thân giấu tài

Chương 2: Tài năng không gặp thời

1. Giương kiếm tòng quân	10
2. Hạng Vũ xuất thế	12
3. Lưu Bang nhập quan	16
4. Bỏ Sở theo Hán	21
5. Liễu ám hoa minh	24

Chương 3: Một tay gây dựng cơ đồ nhà Hán

1. Đối sách Hán Trung	29
2. Bình định Tam Tần	32
3. Cứu thua Lưu Bang ở Huỳnh Dương	37
4. Tập kích bất ngờ phá Ngụy	41
5. Khéo léo thu phục Triệu Yên	44
6. Rạng đông đoạt ấn tướng	51
7. Chiếm lĩnh nước Tề	54
8. Trận chiến Duy Thủy	59
9. Tự xin phong vương	62
10. Vũ Thiệp khuyên Hàn Tín xưng Vương	65
11. Tứ diện Sở ca	71

Chương 4: Công cao chán chủ, chung thất mộng oan

1. Tề Vương tới Sở, kể du Vân Mộng	84
2. Vong Tướng chi tử	87
3. Sắp xếp lại binh thư	88
4. Oan khuất ở nhà chuông	89
Lời kết:	97

Lời nói đầu

Vào những năm cuối thời nhà Tần, cục diện hỗn loạn, quần hùng khắp nơi tranh giành thiên hạ. Đúng lúc ấy Hàn Tín bước lên vũ đài, chỉ trong vòng 5 năm đã bình định sơn hà, một lần nữa thống nhất Trung Nguyên. Nhà Hán có thể làm chủ giang sơn, công lao đều thuộc về Hàn Tín.

Hàn Tín đã trở thành huyền thoại “bách chiến bách thắng”, ngay cả Bá vương Hạng Vũ từng được đánh giá là “thiên cổ không có người thứ hai” cũng đành ngậm ngùi trở thành bại tướng dưới tay Hàn Tín.

Là bậc đại căn khí vạn năm khó gặp, Hàn Tín ôm hoài bão bá vương, sẵn sàng nhẫn nhục, không nổi giận một cách vô cớ, và là một minh chứng hoàn hảo về người có tâm đại nhẫn.

Hàn Tín được hậu thế ca ngợi là “quốc sĩ vô song, binh Tiên chiến Thần” (nhân tài kiệt xuất, dụng binh và chiến đấu như Thần). Khả năng bày binh bố trận của ông đã đạt tới Thánh giới Tiên cảnh, tựa như thiên mã lướt gió tung mây, một mạch từ trên trời hạ xuống, động tác tuy nhẹ nhàng nhưng lại có sức nặng vạn cân. Cách dụng binh thần kỳ của Hàn Tín trong lịch sử không có người thứ hai. Tài năng phi phàm của ông khiến hậu thế ca ngợi không ngớt. Mỗi cuộc chiến do ông chỉ huy đều là bản thiên anh hùng ca hào tráng, mưu lược và nghệ thuật quân sự của ông xuất Thần nhập hóa, lưu danh ngàn đời.



Chân dung Hàn Tín. (Ảnh: Bộ sưu tập Thanh Điện)

Chương 1: Lòng ôm chí lớn, ẩn thân giấu tài

Hàn Tín là người Hoài Âm, Giang Tô, sinh ra trong lúc gia đình lâm vào cảnh khốn cùng. Sử sách không ghi chép tượng tặn về gia thế của ông, chỉ biết rằng thuở nhỏ ông và mẹ trải qua những tháng ngày cơ cực, phải nương tựa vào nhau mà sống. Bởi trong nhà cất giữ binh thư và bảo kiếm, cho nên từ nhỏ Hàn Tín đã có cơ hội tiếp xúc với rất nhiều sách binh pháp. Cuốn “Giám Lược – Tần Ký” do Minh Lý Đình Cơ biên soạn viết: “*Hàn Tín chính là hậu duệ của Hàn Quốc*”, có thể nói tổ tiên của ông cũng từng là tầng lớp quý tộc.

Sau khi mẹ qua đời, cuộc sống càng thêm gian nan, Hàn Tín thường không có cơm ăn. Bởi nghèo khó túng thiếu, ông bị người khác khinh miệt và nhục mạ, cũng có khi phải nhận sự bố thí của người ngoài. Trong lịch sử có rất nhiều điển cố liên quan đến thuở hàn vi của Hàn Tín, như “Xương Đình chi khách” (làm khách nhà Xương Đình), “Thần xuy nhục thực” (thối cơm sáng ăn ngay trên giường), “Khố hạ chi nhục” (chịu nhục chui háng), “Nhất phạn thiên kim” (Bát cơm ngàn vàng), “Năng khuất năng thân” (biết co biết duỗi), v.v.

Chuyện kể rằng, đình trưởng đình Nam Xương biết Hàn Tín không phải kẻ tầm thường, dù hiện tại nghèo khó nhưng mai sau nhất định sẽ là bậc xuất chúng, bởi vậy đình trưởng đặc biệt chú ý đến Hàn Tín và thường mời ông tới nhà dùng cơm. Nhưng vợ của đình trưởng lại tỏ ra không mấy thoải mái, dần dà bà sinh lòng chán ghét bèn nghĩ cách đuổi ông đi. Bà cho mọi người ăn

sáng sớm và yêu cầu người nhà nhanh chóng đem nồi niêu bát đĩa thu dọn sạch sẽ. Hôm ấy như thường lệ, Hàn Tín đến nhà đình trưởng đúng giờ, nhưng chờ đợi ông là một chiếc bàn trống trơn, ngay cả một chút cơm thừa canh cặn cũng không còn. Kể từ đó, ông không còn đặt chân tới nhà đình trưởng thêm lần nào nữa. Hai câu thành ngữ: “Xương Đình chi khách” và “Xương Đình lữ thực” (nghĩa là “làm khách nhà Xương Đình”) đều ra đời từ đây.

Ngoài việc học hành, mỗi khi rảnh rỗi Hàn Tín thường ra sông buông câu. Có một bà lão thường đem quần áo ra sông giặt (người đời sau gọi bà là Phiêu mẫu), rất cảm thông với cảnh ngộ của Hàn Tín nên thường chia đồ ăn của mình cho ông. Hàn Tín vô cùng cảm kích, thề rằng sẽ báo đáp ân tình của bà lão. Sau này khi Hàn Tín áo gấm hồi hương, quả nhiên đã biếu tặng Phiêu mẫu rất nhiều bạc tiền để báo đáp ân nghĩa năm xưa. Thành ngữ “Nhất phạn thiên kim” (Bát cơm ngàn vàng) cũng từ đây mà ra, ý tứ là nhận một giọt ân huệ sẽ báo đáp bằng cả một dòng.

Những ghi chép đầu tiên về Hàn Tín là “Hoài Âm hầu liệt truyện” trong “Sử Ký”, kể rằng thuở thiếu thời Hàn Tín là một kẻ ‘ăn không ngồi rồi’. Thực ra, Hàn Tín có tham vọng thống nhất thiên hạ, bình định giang sơn. Nhà Hán học Vương Minh Thịnh của triều đại nhà Thanh đã viết trong quyển 5 của “Thập Thất Sử Thương Các”: *“Lúc (Hàn Tín) chịu nhục sống nương nhờ, dựa trên những tri thức thường ngày, qua thời gian dài nghiên ngẫm tỉ mỉ, ông đã tìm ra cách để ‘chiến tất thắng, công tất thủ’ (đánh ắt thắng, tấn công ắt lấy được), ngay cả khi phải đối mặt với hàng trăm vạn quân sỹ”*. Ông không



Tranh cuộn “Một bữa cơm của Vương tôn” trong “bức họa Tứ Kiệt Tứ Cảnh” của Minh Tạ Thời Thần, minh họa cho câu chuyện Hàn Tín nhận cơm của Phiêu Mẫu. (Ảnh: Phạm vi công cộng)



Bức vẽ “Hàn Tín chịu nhục chui háng” của Thanh Nhâm Bá Niên.
(Ảnh: Phạm vi công cộng)

chỉ thuộc lâu binh thư mà còn am hiểu tường tận về nhiều lĩnh vực, như thiên văn địa lý, quy định pháp luật cũng như quân sự thường thức... không gì là không minh tỏ. Ngoài việc thuộc các điển cố trong lịch sử như Bắc Lý Hề phò trợ Tần xưng bá, Hàn Tín còn biên soạn binh thư, chỉnh lý các điều lệnh pháp luật trong quân đội, minh chứng rằng ông có kiến thức phong phú, học thức uyên bác, tuyệt nhiên không phải là một kẻ du thủ du thực.

Lúc Hàn Tín chưa thành danh có một điển cố nổi tiếng gắn liền với ông, gọi là “chui nhục chui háng”. Dù rằng khi đó Hàn Tín thiếu cơm thiếu áo, nhưng với chí khí cao xa, khát vọng to lớn, ông thường đeo bên mình một thanh bảo kiếm. Trong thành Hoài Âm có kẻ vô lại là con trai của một đồ tể, cậu ta muốn làm nhục Hàn Tín nên đã chặn đường ông ở trên một con phố náo nhiệt và nói: *“Người đeo bảo kiếm làm gì? Đeo bảo kiếm thế có dám sát nhân không? Dám sát nhân thì hãy chặt đầu ta đi, còn không, thì hãy chui qua háng ta”*. Đối mặt với lời khiêu khích bất ngờ này, Hàn Tín điềm tĩnh nhìn thẳng vào đối phương một hồi lâu mà không chút sợ hãi, cuối cùng, ông thản nhiên cúi người chui qua háng của kẻ vô lại kia.

Đại tông sư văn học Tô Thức trong “Hoài Âm hầu miếu ký” đã miêu tả cảnh giới không ngại danh tiếng bị vấy bẩn (“nhục thân ô tiết”) để nuôi chí lớn anh hùng (“súc anh hùng chi tráng đồ”) của Hàn Tín thời niên thiếu: *“Ứng Long là Thần bởi giới biến hóa, biết lúc nào nên duỗi. Mùa hạ bay lên trời, tựa như một linh vật, đông đến lại nằm cuộn tròn trong bùn như để tránh tai họa... Tướng quân chính là cam chịu danh tiếng bản*

thân bị ô nhục, để ở ẩn che giấu tài năng, chí hướng như chim tước cất cánh, như báo vượn mình. Được phong Sở Vương, báo đáp ơn Phiêu mẫu. Ôm thao lược bá vương, nuôi hoài bão to lớn của bậc anh hùng. Hoài bão bình định thiên hạ bốn phương, chí hướng to lớn không gì sánh bằng, bởi vậy mà chịu nhục chui háng”.

Người thân nhiên chịu nhục chui háng có thể chia thành hai kiểu người: Một là người tinh thần sa sút, thích an phận, thường gọi là kẻ “nhát gan”, còn một là người có chí hướng vô cùng cao xa, biết co biết duỗi, tùy cơ ứng biến, là người vì mang sứ mệnh to lớn mà nhẫn nhục. “Thời xưa, được gọi là anh hùng hào kiệt chắc chắn phải là bậc có khí tiết hơn người, có thể nhẫn điều mà người thường không thể nhẫn. Thất phu một khi bị sỉ nhục, liền không chịu nổi rút kiếm ra giao đấu, đây không phải là hành động dũng cảm. Bậc đại dũng trong thiên hạ, khi gặp chuyện bất ngờ sẽ không hoang mang sợ hãi, không vô cơ nổi giận. Làm được vậy là do người đó có hoài bão vô cùng to lớn, chí hướng cao xa” — (Trích đoạn văn chú thích về sự hoàn mỹ của hành động “chịu nhục chui háng” của Hàn Tín trong “Lưu Hầu truyện” của Tô Thức).

Người đời cho rằng việc “Hàn Tín chịu nhục chui háng” là thể hiện cho tâm thái của bậc vĩ nhân. Tại nơi xảy ra sự việc này năm đó, người Hoài Âm đã xây dựng một cây cầu đặt tên là “Khố Hạ kiều” (cầu chui háng) để tưởng nhớ Hàn Tín, bậc anh hùng có hoài bão vô cùng to lớn, tấm lòng khoan dung độ lượng, kiến thức sâu rộng mà những kẻ tiểu nhân không thể so bì.

Chương 2: Tài năng không gặp thời

Cuối thời Chiến quốc, nhà Tần lên nắm quyền và thống nhất Trung Hoa, chấm dứt cục diện cát cứ chia rẽ của các chư hầu. Vào năm thứ 37 tại vị, Tần Thủy Hoàng đã đột ngột từ trần ở Sa Khâu khi đang trên đường đi tuần.

Tần Thủy Hoàng đã di chiếu cho công tử Phù Tô là người chủ trì tang lễ, thừa kế ngai vàng. Nhưng thái giám Triệu Cao là người quản lý chiếu thư, đã cấu kết với thừa tướng Lý Tư giả mạo chỉ dụ của Vua ban chết cho Phù Tô, hòng lập thiếu tử (con thứ) Hồ Lợi lên làm hoàng đế, tức Tần Nhị Thế.

Sau khi lên ngôi Tần Nhị Thế đã lạm sát các cựu thần và người trong hoàng thất, cơ nghiệp đế quốc mà Tần Thủy Hoàng vất vả gây dựng đã bắt đầu lung lay. Vào năm thứ nhất của Tần Nhị Thế (năm 210 TCN), Trần Thắng, Ngô Quảng đã dẫn 900 dân binh ở làng Đại Trạch nổi dậy “trảm mộc vi binh, yết can vi kỳ” (chặt cây làm binh khí, giương sào tre làm cờ), thách thức sự thống trị của Nhị Thế. Họ thành lập chính quyền trên đất Trần, lấy quốc hiệu là “Sở”, cũng gọi là “Trương Sở”. Nhân sĩ phản Tần khắp nơi thừa thế nổi dậy, liên tiếp xây dựng lực lượng riêng, phút chốc đã quần hùng cát cứ, liên tiếp lửa hiệu cấp báo, dường như khí thế chiến tranh quyết liệt giữa các nước chư hầu thời Chiến Quốc đã quay trở lại.

1. Giương kiếm tòng quân

Trong số quần hùng, Hàn Tín để mắt tới chú cháu Hạng Lương, Hạng Vũ với thân thế hiển hách, binh cường tướng mạnh.

Hạng Lương là con của danh tướng nước Sở Hạng Yên, vì sát nhân nên phải trốn chạy đến Ngô Trung để tránh báo thù. Tại đây Hạng Lương rất có uy tín, các hiền sĩ đại phu đều nguyện dưới trướng ông. Hạng Lương tận dụng ưu thế đó âm thầm chiêu binh mãi mã, tạo vây cánh.

Sau khi Trần Thắng và Ngô Quảng khởi binh được hai tháng, chú cháu Hạng Lương dẫn theo 8 nghìn quân hưởng ứng, từ Giang Đông vượt sông tiến đến, dọc đường đã thu nạp thêm Trần Anh, Anh Bố, Lữ Thần, Bồ tướng quân và các thuộc hạ, còn chiếm cứ được Bành Thành ở phía đông quận Tần Gia. Trong quá trình này, cả Lưu Bang và Hàn Tín cũng đều gia nhập vào đội ngũ của Hạng Lương.

Không lâu sau Ngô Quảng bị thuộc hạ sát hại. Tháng 12 năm đó, tướng quân Chương Hàm của nhà Tần đã dẫn quân công phá đất Trần, Trần Thắng bị phu xe giết chết, nước Trương Sở bị diệt vong. Nghe theo kiến nghị của Phạm Tăng, Hạng Lương bèn tôn Hùng Tâm là cháu của Sở Hoài vương lên làm vương, còn bản thân tự xưng là Vũ Tín Quân.

Sau khi đánh bại quân Trương Sở, Chương Hàm đã dẫn binh tấn công nước Ngụy. Ngụy vương cầu cứu nước Tề. Tiếp đó Chương Hàm lại đánh bại liên quân Tề-Sở một cách thê thảm, truy kích tướng Tề Điền Vinh về tận Đông A. Hạng Lương hay tin Điền Vinh nguy cấp,

韓 淮 陰 像



Tranh nửa người của Hàn Tín. (Ảnh: Phạm vi công cộng)

lập tức dẫn viện binh ứng cứu, đánh phá quân Tần. Chương Hàm thua chạy về mạn Tây, Hạng Lương dẫn binh truy kích và đánh bại Chương Hàm ở Bộc Dương, cuối cùng truy đuổi đến Định Đào. Ở hướng khác, Hạng Vũ, Lưu Bang đại chiến với quân Tần tại Ung Khâu và giành đại thắng, trảm sát tướng Lý Do của nước Tần.

Quân Tần liên tiếp bại trận, Chương Hàm điều động đến 10 vạn đại quân bổ sung binh lực. Hạng Lương vì thắng nên kiêu, với sự việc này không mấy may mắn. Hàn Tín đoán được mối nguy, nhưng bởi địa vị thấp kém, không có cơ hội cất lời khuyên can. Mưu sĩ của Hạng Lương là Tống Nghĩa cũng nhìn thấy nguy hiểm tiềm ẩn, can gián Hạng Lương phòng bị quân Tần bất ngờ tập kích, nhưng Hạng Lương lại không nghĩ vậy. Với tinh thần vô cùng phấn chấn, quân Tần thừa cơ Hạng Lương lơ là phòng thủ đã bất ngờ tập kích, tiêu diệt đại bộ phận quân chủ lực của Hạng Lương, bản thân Hạng Lương cũng tử trận.

2. Hạng Vũ xuất thế

Sau khi Hạng Lương chết, Hạng Vũ lên thống lĩnh quân đội. Hạng Vũ thân cao hơn tám thước, sức nâng đỉnh ngàn cân, là một vị tướng quân võ dũng nổi tiếng nhất trong lịch sử, được người đời sau ca ngợi là “Vũ chi thần dũng, thiên cổ vô nhị” (nghĩa là vị tướng dũng mạnh như thần, không có người thứ hai).

Thời niên thiếu, khi Hạng Vũ thấy Tần Thủy Hoàng đi tuần với dáng vẻ oai nghiêm vạn người kính ngưỡng, ông liền tự mãn nói với Hạng Lương: *“Có thể thay người đó được.”*

西楚霸王項籍

籍字羽下相人少時學書不成去學劍又不成怒曰書足記姓名而已劍一人敵不足學！萬人敵以八千人渡江西屠咸陽燒秦宮室不用范增言許漢和以故漢王得會兵圍之垓下曰天亡我非戰之罪也我何面目見江東父老乃自刎而死



Tranh Hạng Vũ. (Ảnh: Phạm vi công cộng)

Hạng Vũ thấy Hàn Tín cao lớn, anh tuấn uy vũ, liền bổ nhiệm ông làm võ quan thị vệ Chấp kích lang, bởi vậy Hàn Tín có cơ hội tiếp xúc gần với Hạng Vũ.

Sau đại chiến Định Đào, lo sợ tinh thần quân Sở sa sút, Sở Hoài Vương bèn lệnh cho Hạng Vũ dẫn quân rút về Bành Thành để có căn cứ tiến lui. Chương Hàm thấy nhất thời khó giành phần thắng, liền chuyển hướng tiến đánh nước Triệu ở phía Bắc. Khi Triệu Vương nguy khốn bị bao vây ở Cự Lộc, cầu viện trợ từ các nước chư hầu. Nước Tề và nước Yến đều phái viện quân, đại tướng Trần Dư của nước Triệu và Trương Ngao của nước Đại đã dẫn quân đến, *“quân chư hầu dẫn quân tới cứu Cự Lộc đóng tới 10 doanh lũy mà đều không dám xuất binh”*. (Sử ký, Hạng Vũ bản kỷ). Tuy nhiên, dưới ánh mắt trừng trừng thị uy của quân Chương Hàm, không ai dám khai chiến với quân Tần.

Vào mùa đông năm thứ 3 Tần Nhị Thế, Sở Hoài Vương cũng phái hai lộ viện binh: Một lộ quân do Tống Nghĩa làm thượng tướng quân, Hạng Vũ làm phó tướng, dẫn 5 vạn quân đi cứu viện nước Triệu; Một lộ do Lưu Bang làm tướng tiến đánh Hàm Dương, và giao ước rằng ai lấy được Quan Trung trước thì sẽ làm vương.

Sau khi Tống Nghĩa đến được An Dương, ngưng lại 46 ngày không đi, ý đồ ngồi xem Tần-Triệu giao đấu, còn mình làm “ngư ông đắc lợi”. Không có viện quân, nước Triệu chắc chắn không thể địch lại Chương Hàm. Nếu Chương Hàm giải quyết xong nước Triệu, thì mục tiêu kế tiếp sẽ là tấn bại quốc – nước Sở. Lúc này An Dương trời mưa lớn, giá rét, quân Sở thiếu lương thực, binh lính vừa đói vừa rét, trì hoãn nữa thì ắt sẽ xảy ra đại biến. Hạng Vũ nhiều lần khuyên gián bắc tiến cứu

Triệu, nhưng đều bị Tống Nghĩa gạt đi, hơn nữa còn hạ lệnh trong quân binh ai không tuân lệnh thì chém. Cùng đường, Hạng Vũ vạn bất đắc dĩ phải giết Tống Nghĩa, tự đảm nhiệm chức thượng tướng quân. Sở Hoài Vương ở xa ngoài tầm với, đành phải chấp thuận.

Số lượng quân Sở kém xa quân Tần, các lộ quân cứu viện lại sợ thanh thế của quân Tần, xây trại tự thủ đứng ngoài cuộc. Hạng Vũ chỉ còn cách một mình tác chiến. Hạng Vũ bình tĩnh hành động, trước hết phái Anh Bố dẫn 2 vạn quân Sở chặn đứt con đường tiếp ứng giữa Chương Hàm và phần còn lại của quân Tần, sau đó tự mình dẫn ba vạn binh sĩ qua sông. Sau đó *“làm đắm thuyền, đập vỡ nồi, đốt nhà cửa, chỉ mang lương thực ăn trong ba ngày, dù toàn bộ binh sĩ tử trận cũng không thay lòng đổi dạ.”* (Sử ký – Hạng Vũ bản kỷ). Bởi không còn đường lui, binh sĩ chỉ còn cách liều chết một phen, và thành ngữ *“Đập nồi chìm thuyền” (Phá phủ trầm chu)* ra đời từ đây.

Vừa đến Cự Lộc, quân Sở nhanh như chớp bao vây quân Tần, toàn quân lấy 1 địch 10, Hạng Vũ tiên phong ra trận làm gương, dũng cảm đi đầu chém giết, *“tiếng hét của Hạng Vũ kinh động cả đất trời”* (Tiền Hán Ký). Quân Sở càng chiến đấu càng dũng mãnh, đánh cho quân Tần kinh hồn bạt vía, cuối cùng, quân Sở tiến đánh 9 trận, thắng 9 trận. Tướng Tô Giác của Tần tử trận, Vương Ly bị bắt làm tù binh, Thiệp Gian không chịu hàng đã tự thiêu. Quân tiếp viện của chư hầu ở bên đứng xem sững người kinh ngạc, mãi đến khi quân Tần tháo chạy mới dám ra khỏi doanh trại trợ chiến, giải vây Cự Lộc.

Với sự áp sát từng bước của Hạng Vũ, Chương Hàm liên tiếp bại trận tháo chạy. Cuối cùng, đến tháng 7



*Ảnh màu của Hạng Vũ.
(Ảnh: Thanh Nhân Hội)*

năm Tần Nhị Thế 3, Chương Hàm đã dẫn theo 20 vạn quân lính đầu hàng Hạng Vũ tại Ân Khư. Quân chủ lực của Tần tuyên bố tan rã, như vậy, một quân đội hùng mạnh từng tiêu diệt lục quốc, đánh bại Hung nô, giờ đã tan thành mây khói.

Sau khi chiến tranh kết thúc, Hạng Vũ triệu kiến các tướng lĩnh chư hầu,

các tướng đều quỳ gối mà tiến vào, không ai dám ngẩng đầu ngược nhìn. Triệu Vương cũng đến bái kiến, quỳ tạ Hạng Vũ đã cứu nguy. Hạng Vũ được lập làm “Thượng tướng quân của các nước chư hầu”, làm Thống soái quân đội của các lộ chư hầu.

Hạng Vũ đã cho thế giới thấy tài năng bất phàm của một người anh hùng hào kiệt. Tài năng vượt trội của ông đã khiến tất cả võ tướng trên sa trường lúc bấy giờ trở nên mờ nhạt, đồng thời cũng viết lên một câu chuyện thần thoại bất hủ cho lịch sử Trung Quốc.

3. Lưu Bang nhập quan

Hạng Vũ sau khi giải quyết xong quân chủ lực của Tần đã trở thành “Thượng tướng quân của các chư hầu”, nhưng ông không phải là người tiên phong tiến

công đánh hạ đô thành Hàm Dương của nước Tần, mà là Lưu Bang.

Lưu Bang xuất thân là một thường dân ở Trung Dương, ấp Phong, quận Bái. Năm 48 tuổi ông khởi binh tại huyện Bái, nên được tôn là Bái Công. Thời trẻ, ông cả ngày nhàn rỗi rong chơi, không có công việc đàng hoàng, bạn bè xung quanh cũng là những người du thủ du thực giống như ông. Ngoài ra ông còn là người hào phóng, biết lấy lòng người, cho nên có quan hệ rộng; sau này trở thành đình trưởng của Tứ Thủy.

Lưu Bang không thích đọc sách, trong lòng cũng xem thường những người đọc sách. Trong sách sử có ghi, có nho sinh đến cầu kiến, Lưu Bang liền tháo mũ của anh ta xuống và tiểu vào đó, còn chửi bới ầm ĩ. Năm đó, khi Lê Thực Kỳ đến cầu kiến, môn nhân nói là một học trò (người đọc sách), Lưu Bang từ chối không gặp. Cuối cùng Ly Thực Kỳ tự xưng là “sâu rượu” Cao Dương, Lưu Bang liền vội vàng mời anh ta vào và vui vẻ tiếp đãi. Ông ta rất biết dùng thủ đoạn mưu quyền, tùy cơ ứng biến, lựa gió bẻ buồm, biết cách kiểm soát thuộc hạ có năng lực hơn mình, nên dưới trướng ông ta có không ít hiền sĩ tài năng; do đó, ông ta cũng “có tài” hơn người ở chỗ hót tay trên thành quả của người khác.

Trong khi Hạng Vũ đang giao chiến kịch liệt với quân Tần, ở nơi chiến trường nguy hiểm nhất phá vòng vây của địch, thì Lưu Bang lại dẫn quân xông vào Quan Trung. Lúc đó Triệu Cao đã giết chết Tần Nhị Thế, loại bỏ đế hiệu nhà Tần, sau đó Tử Anh lại giết Triệu Cao, xưng là Tần vương. Lưu Bang tấn công Hàm Dương, Tử Anh không có khả năng kháng cự, vì vậy đã cho làm xe bạch mã, treo cờ rủ hai bên đường, tự tay bưng ngọc tỷ

phù tiết của Hoàng đế xin hàng Lưu Bang, đến đây triều Tần diệt vong.

Lưu Bang tiến vào thành Hàm Dương, nhìn thấy sự hoành tráng mỹ lệ của cung Hàm Dương, và những thứ chuyên dụng của Hoàng đế màn trướng, xe ngựa, báu vật và phụ nữ, kinh ngạc ngẩn nhìn, quyến luyến không muốn buông tay, tính nghỉ ngơi trong hoàng cung nghỉ ngơi. Phàn Khoái và Trương Lương thay nhau tận sức khuyên giải, cuối cùng, đã thuyết phục được Lưu Bang phong bế hoàng cung và phủ khố, dẫn quân đến Bá Thượng đồn trú. Đồng thời theo kiến nghị của Tiêu Hà làm ra “ước pháp tam chương” (ba điều khoản cơ bản): Giết người phải đền mạng, đả thương người và trộm cắp phải đền tội, đồng thời phế trừ luật pháp nhà Tần, còn các phương diện khác vẫn giữ nguyên như cũ. *“Người Tần mừng rỡ, tranh nhau mang dê bò rượu thịt dâng tặng thiết đãi quân sĩ”*. (Sử ký, Cao Tổ Bản Kỷ).

Hạng Vũ đang chính diện tác chiến, vào sinh ra tử, nhưng thắng lợi lớn nhất lại bị Lưu Bang dễ dàng hót tay trên. Bởi cảm phần cực độ, nên sau đại chiến Cự Lộc, Hạng Vũ lập tức dẫn theo 40 vạn quân binh trùng trùng áp sát đánh tới Quan Trung, trú đóng ở Hồng Môn bên ngoài thành Hàm Dương. Mưu sĩ Phạm Tăng hiến kế, nói rằng Lưu Bang lúc ở Quan Đông thì tham tiền hào sắc, lần này lại không lấy tài vật, không quyến ái mỹ nữ, xem ra đã tâm không nhỏ, nên sớm trừ khử. Quan tả tư mã của Lưu Bang là Tào Vô Thương cũng phái người báo tin chứng thực đã tâm xưng Vương của Lưu Bang. Hạng Vũ lập tức hạ lệnh sáng sớm hôm sau sẽ tiến công.

Toàn bộ binh lực của Lưu Bang chỉ có 10 vạn, lực chiến đấu lại kém xa quân Sở. Nếu như hai quân đối

đầu, không đánh cũng tự rõ kết quả. Chú của Hạng Vũ là Hạng Bá vì báo đáp ơn cứu mạng của Trương Lương, đã cưỡi ngựa suốt đêm đến Bá Thượng để báo tin cho Trương Lương. Trương Lương không muốn một mình chạy thoát thân, liền lập tức cấp báo Lưu Bang. Lưu Bang nghe xong vô cùng kinh hãi, mặt biến sắc, chân tay luống cuống.

Với tương quan lực lượng quá chênh lệch như vậy, nhận mình là kẻ yếu xin tha là thượng sách. Vì vậy, sau khi Lưu Bang và Trương Lương bàn bạc sơ qua, bèn lập tức triệu mời Hạng Bá vào quân trướng kính rượu hàn huyên, gắng sức lôi kéo, còn hứa gả con gái của mình cho con trai của Hạng Bá, kết làm thông gia. Nhân lúc hai bên đang trò chuyện vui vẻ, Lưu Bang bộc bạch rằng bản thân không hề có dã tâm xưng Vương, tất cả những gì mình làm khi tiến vào Quan Trung đều là để chuẩn bị cho Hạng Vũ nhập quan. Hạng Bá nhận lời sẽ nói giúp Lưu Bang với Hạng Vũ, và dặn dò Lưu Bang ngày hôm sau hãy đích thân đến cảm tạ Hạng Vũ.

Hạng Vũ nắm trong tay lực lượng quân đội hùng hậu, xem thường thiên hạ, vốn cũng không để mắt tới Lưu Bang, lại thêm Hạng Bá khua môi múa mép, chỉ vài ba câu đã bị thuyết phục, liền bỏ kế hoạch tấn công Bá Thượng.

Ngày hôm sau, Lưu Bang dẫn theo Trương Lương và đại tướng Phàn Khoái đích thân đến Hồng Môn, tỏ ý rằng bản thân chỉ đang trấn giữ Hàm Dương, chờ Hạng Vũ đến xưng Vương. Hạng Vũ tin tưởng Lưu Bang, cho bày yến tiệc thiết đãi Lưu Bang. Phạm Tăng, người được Hạng Vũ gọi là “á phụ” (cha nuôi), vẫn luôn cho rằng Lưu Bang là mầm đại họa, một mực kiên trì thỉnh



*Tượng Phạm Tăng.
(Ảnh: Thanh nhân hội)*

cầu Hạng Vũ tại yến tiệc hầy giết Lưu Bang, để nhỏ cỏ tận gốc, tiệt trừ hậu họa. Bữa tiệc bốn bề ngập tràn sát khí này chính là bữa tiệc “Hồng Môn Yến” nổi tiếng trong lịch sử.

Trong bữa tiệc, Phạm Tăng ngồi bên cạnh Hạng Vũ, vài lần ra ám hiệu cho Hạng Vũ động thủ giết Lưu Bang, nhưng Hạng Vũ lại vờ như không

thấy. Phạm Tăng sai đại tướng Hạng Trang đến trước bàn rượu múa kiếm góp vui, muốn lựa cơ hội ám sát Lưu Bang. Hạng Bá cũng nhanh chóng rút kiếm múa theo, dùng thân mình che cho Lưu Bang, Hạng Trang không sao ra tay. Thấy tình thế cấp bách, Trương Lương vội vàng ra ngoài gọi Phàn Khoái. Phàn Khoái khi xưa từng mưu sinh bằng nghề giết chó, ông ta là bộ hạ dũng mãnh nhất dưới trướng Lưu Bang.

Vừa nghe Lưu Bang gặp nạn, Phàn Khoái liền cầm khiên và kiếm xông thẳng vào quân trướng. Binh sĩ canh phòng muốn ngăn lại, nhưng bị Phàn Khoái dùng khiên xô một cái, tất cả ngã nhào ra đất. Phàn Khoái vén màn che, trừng mắt nhìn Hạng Vũ, giận đến tóc tai dựng ngược, đuôi mắt như muốn rách ra, quát mắng Hạng Vũ: “Lưu Bang cộng hạ được Hàm Dương, không

hề chiếm đất xưng vương, mà quay về Bá Thượng đợi đại vương tới. Một người có công như vậy, ngài không những không phong thưởng, lại còn tin lời tiểu nhân, muốn sát hại huynh đệ của mình!”

Hạng Vũ nghe vậy trong tâm thấy hổ thẹn. Lưu Bang thừa cơ giả vờ đi vệ sinh, dẫn theo tùy tùng chạy về quân doanh ở Bá Thượng. Mưu sĩ Phạm Tăng thấy Hạng Vũ thiếu quyết đoán thả Lưu Bang chạy thoát, nên vừa căm phẫn vừa tuyệt vọng, thời dài than vãn: “Ôi! Tên tiểu tử này không thể cùng bàn mưu đại sự, người đoạt thiên hạ của Hạng Vương tất là Bái Công! Chúng ta rồi sẽ bị bắt làm tù binh!”

Lưu Bang sau khi quay trở về doanh trại liền lập tức xử tử Tào Vô Thương. “Hồng Môn Yến” sau này trở thành một danh từ chỉ “một bữa tiệc mà chủ nhân của nó không có ý tốt”, và đây cũng là sự tích của thành ngữ “Hạng Trang vũ kiếm, ý tại Bái công”.

4. Bỏ Sở theo Hán

Sau Hồng Môn Yến, Hạng Vũ dẫn chư hầu tiến vào Hàm Dương. Tần vương Tử Anh tuy là quân vương của nước bại trận, nhưng dù sao thân vẫn là bậc đế vương, Hạng Vũ không những không trọng đãi Tử Anh đúng mực, ngược lại còn cho giết chết Tử Anh và tất cả vương tộc, tôn thất cùng đại thần của nước Tần. Đồng thời, còn đại hỏa thiêu lăng Tần Thủy Hoàng và cung Hàm Dương, lửa cháy suốt ba tháng chưa tắt.

Trận đại hỏa này đã gây tổn hại vô cùng to lớn cho văn hóa Trung Quốc. Trong chốc lát, toàn bộ tài liệu mà Tần Thủy Hoàng dày công gây dựng sau khi thống nhất thiên hạ và vô số điển tịch văn hóa của thời đại Tiên Tần

đã bị hủy hoại. Hầu hết các ghi chép hàng nghìn năm về nền văn minh Hoa Hạ từ nhà Tần trở về trước đều bị thiêu sạch trong một mối lửa.

Một sai lầm vô cùng to lớn khác của Hạng Vũ là đẩy đất nước Trung Quốc đã thống nhất lùi trở lại cục diện chư hầu cát cứ một lần nữa. Vào thời điểm đó, rất nhiều kẻ sĩ đã khuyên ông nên xưng đế và đóng đô tại Hàm Dương, bởi Quang Trung được chặn bởi núi, được bao bởi sông, địa thế dễ thủ khó công, và là một vùng đất màu mỡ phì nhiêu, quả là một địa điểm lý tưởng để dựng đô xưng bá. Nhưng Hạng Vũ lại một mực muốn đông quy (hướng về quê nhà), ông nghĩ: “Phú quý không về quê, khác nào áo gấm đi đêm”. Cuối cùng, Hạng Vũ khăng khăng phân đất phong hầu, bãi bỏ hoàn toàn chế độ quản lý và trung ương tập quyền của nhà Tần, lập ra 18 vương chư hầu, bản thân ông cũng là Sở Bá Vương, có quyền lực tương đương với hoàng đế, lúc này, Hạng Vũ đang ở đỉnh cao huy hoàng. (Ghi chú: Từ “Bá” ngày xưa thường hiểu với nghĩa bá trong “bá trọng quý thúc” (thứ tự anh em trai: cả, hai, ba, tư), ý chỉ người anh cả hay “lão đại” trong các vương, cũng tức là vương trong các vương).

Về phần Hàn Tín, thân là cận vệ của Hạng Vũ, đã nhiều lần bày hiến kế, nhưng Hạng Vũ khá tự phụ và tự cho mình là bất khả chiến bại trong thiên hạ, nên không để mắt tới kiến nghị của một cận vệ sĩ nhỏ bé. Chỉ riêng việc cho thiêu rụi Hàm Dương và phân đất phong hầu đã đủ thấy Hạng Vũ là người thiếu cận, hành động cảm tính. Hàn Tín nhận thấy nếu đi theo Hạng Vũ, ông sẽ không thể thực hiện được hoài bão lớn lao của mình.

Bởi vậy, sau khi phân tích lần lượt 18 chư hầu, cuối cùng ông đã hướng mắt vào Hán Trung Vương Lưu Bang.

Vào năm đầu Hán Cao Đế, tháng 4 (năm 206 TCN), các vương chư hầu sau khi nhận phân đất phong hầu đều thi nhau bãi binh dựng nước. Hạng Vũ cũng “áo gấm hồi hương”, vui mừng trở về Bành Thành làm Tây Sở Bá Vương. Nhưng Hạng Vũ vẫn không yên tâm về Lưu Bang, nên đã không phong Lưu Bang làm Quan Trung Vương theo đúng giao ước, mà lại kìm hãm ông ở Hán Trung, Ba Thục, nhằm hạn chế ông phát triển lực lượng.

Vào thời nhà Tần, vùng đất Ba Thục vẫn còn chưa khai phá, là nơi rừng thiêng nước độc, nghèo khó hoang tàn, “tội nhân thời Tần đều bị lưu đày đến đó” (“Tư Trị Thông Giám”, quyển 9), nhưng nó vẫn thuộc về “đất Quan Trung”. Bởi vậy, việc phong đất Ba Thục cho Lưu Bang cũng có thể coi là Hạng Vũ không làm trái giao ước. Còn những vùng đất màu mỡ của Quan Trung được phân cho ba vị tướng Tần là Chương Hàm, Tư Mã Hân và Đổng Tiễn, hình thành thế bao vây đối với Lưu Bang, chặn đứng con đường Lưu Bang tiến quân vào Trung Nguyên.

Lưu Bang vô cùng căm phẫn nhưng lực bất tòng tâm. Hạng Vũ chỉ cho phép ông dẫn theo ba vạn binh mã, đại thần dưới trướng chỉ có Tiêu Hà được tính là hiền tài trị quốc. Mưu sĩ Trương Lương (vốn là người nước Hàn) lúc đó đã đang phò tá Hàn Vương Thành, còn những võ tướng khác như Tào Tham, Chu Bột, Phàn Khoái, Hạ Hầu Anh, Quán Anh đều không phải là những nhân vật xuất chúng, căn bản không phải là đối thủ của Hạng Vũ. Bởi vậy nếu như đối chọi, nhất định là trăm

chiến trăm bại. Lưu Bang chỉ có thể bấm bụng nhẫn chịu, dẫn quân tây tiến vào Hán Trung.

Đúng lúc này, Hàn Tín lặng lẽ rời khỏi Hạng Vũ, gia nhập đoàn người của Lưu Bang tiến vào Hán Trung. Từ đây, vận mệnh của hai nhân vật lịch sử Lưu Bang và Hạng Vũ này đã thay đổi, và cũng chính là thay đổi chiều hướng phát triển của lịch sử.

5. Liễu ám hoa minh

Sạn đạo Tần Lĩnh (đường làm bằng cọc gỗ lát ván, chạy men theo những vách núi và bờ vực chênh vênh) là độc đạo dẫn từ Quan Trung đến Hán Trung. Trước khi chia tay thấy Lưu Bang đang lâm vào tình cảnh bất lợi, Trương Lương đã đề nghị ông hãy thiêu hủy toàn bộ những sạn đạo mà họ đã đi qua. Một mặt là để phòng ngừa những chư hầu như Chương Hàm tiến công vào Hán Trung, và điều quan trọng hơn nữa là khiến Hạng Vũ lơ là, tin rằng Lưu Bang không có dã tâm đoạt tranh đoạt thiên hạ. Nhưng mặt khác, điều đó cũng khiến bản thân Lưu Bang bị phong bế hoàn toàn ở đất Thục, nếu không có kỳ mưu diệu kế gì thì có khả năng sẽ già ở Hán Trung. Lưu Bang không còn lựa chọn nào khác, chỉ có thể trước hết giữ cho bản thân bình an, rồi mới tính đến những phương kế khác.

Khi mới đến doanh trại quân Hán, Hàn Tín vừa không có công trạng vừa không có thế lực, chỉ được làm chức “liên ngao” nhỏ nhoi, và sử sách cũng không có ghi chép rõ ràng về công việc cụ thể của chức quan này. Với chức vị thấp kém như vậy làm sao Hàn Tín có thể có cơ hội để thực hiện hoài bão to lớn của mình đây! Đã vậy, ngay vào lúc Hàn Tín đang cảm thấy vô cùng chán

nản, thì lại vi phạm quân pháp mà sắp bị xử tử. Tận mắt chứng kiến 13 người khác cùng vi phạm đều đã bị xử trảm, thấy sắp đến phiên mình, Hàn Tín ngửa mặt nhìn trời, vừa hay trông thấy Hạ Hầu Anh đi ngang qua, bèn lớn tiếng nói: “Hán Vương chẳng phải phải muốn có được thiên hạ ư? Sao lại muốn xử tử tráng sĩ thế?” (Sử Ký – Hoài Âm Hầu liệt truyện).

Hạ Hầu Anh cùng Lưu Bang vốn thân nhau từ thuở nhỏ, và là một trong những người thân tín nhất của Lưu Bang, đã nam chinh bắc chiến, vô cùng trung thành. Hạ Hầu Anh là một trong bốn vị tướng sĩ có mặt tại Hồng Môn yến, bởi vậy khi nghe Hàn Tín nói ông không khỏi giật mình. Việc Lưu Bang muốn tranh thiên hạ vốn là bí mật trong những bí mật, quân sĩ nhỏ bé này sao có thể biết được chứ? Ông nhìn kỹ Hàn Tín một lượt, thấy Hàn Tín tướng mạo anh tuấn uy vũ, khí phách hơn người, liền cởi trói và kéo Hàn Tín đến một bên gặng hỏi cặn kẽ. Sau một hồi nói chuyện, ông nhanh chóng bị kiến giải và tài trí của Hàn Tín chinh phục, lập tức tiến cử Hàn Tín với Lưu Bang.

Sau khi tiến vào Hán Trung, Lưu Bang cứ mãi sầu não, cũng không để tâm đến lời tiến cử của Hạ Hầu Anh, không buồn gặp mặt Hàn Tín, chẳng qua vì nể mặt của bộ hạ cũ mà thăng Hàn Tín lên chức trị lật đô úy quản lý lương thảo. Chức trị lật đô úy này đã cho Hàn Tín có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với tướng quốc Tiêu Hà của nhà Hán. Tiêu Hà rất kinh ngạc khi thấy Hàn Tín sáng suốt và gan dạ hơn người, trí tuệ xuất chúng, hiểu sâu binh pháp, và khẳng định đây chính là tướng tài mà quân Hán đang cần, liền vội vàng tiến cử với Lưu Bang.

Tiêu Hà với Lưu Bang vừa là đồng hương, vừa là bạn tri kỷ từ thuở hàn vi, thế nhưng sự tiến cử của Tiêu Hà vẫn là chưa đủ để Lưu Bang thực sự coi trọng Hàn Tín. Sau một thời gian chờ đợi, Hàn Tín trong lòng thất vọng, dự tính đi tìm con đường khác.

Quân Hán đều là người Quan Đông và người nhà đều ở lại cố hương, Lưu Bang cũng không ngoại lệ. Quân sĩ chỉ mong Lưu Bang mau chóng có thể đánh về quê nhà để được đoàn tụ với người nhà. Sau khi Lưu Bang thiêu hủy sạn đạo, không có bất kỳ biện pháp thực tế nào để có thể đánh về Quan Trung, thất vọng xen lẫn nỗi nhớ quê nhà bao trùm khắp quân doanh. Lâu dần rất nhiều binh sĩ đã mất kiên nhẫn, thi nhau đào binh, ngay cả tướng lĩnh cũng đã có đến mấy chục người bỏ trốn. Cuối cùng đến một ngày, Hàn Tín cũng lặng lẽ rời khỏi doanh trại quân Hán.

Việc Hàn Tín bỏ đi đã kinh động đến Tiêu Hà. Trong mắt Tiêu Hà, Hàn Tín có sức nặng vượt xa hết thảy các đại tướng mà quân Hán đang có. Tiêu Hà lòng như lửa đốt, không kịp bấm báo Lưu Bang đã gấp gáp lên đường đuổi theo Hàn Tín. Lúc đó, khi trời đã tối, dưới ánh trăng non, Tiêu Hà vung roi thúc ngựa phi như bay mất hút trong màn đêm. Đó chính là giai thoại thiên cổ “Tiêu Hà nguyệt hạ truy Hàn Tín” (Dưới ánh trăng, Tiêu Hà thúc ngựa đuổi theo Hàn Tín).

Biết tin Tiêu Hà ra khỏi quân doanh, Lưu Bang không khỏi sửng sốt, sốt ruột đến mất bình tĩnh, đứng ngồi không yên, như thể mất đi thủ túc. Về phần Tiêu Hà, ông cũng sốt ruột không kém, bởi ông biết rằng Hàn Tín là cứu tinh duy nhất của quân Hán, nếu mất đi Hàn Tín, quân Hán chẳng khác gì một đạo quân ô hợp. Nếu như



Tranh “Tiêu Hà đuổi theo Hàn Tín” của họa sĩ Nhật Bản ở thời kỳ Edo Yosa Buson”, thuộc bộ sưu tập của Bảo tàng Nghệ thuật Nomura, Kyoto (Ảnh: Phạm vi công cộng)

Hàn Tín đầu quân dưới trướng kẻ khác mà đối phó lại quân Hán, thì hậu quả càng không thể tưởng tượng nổi.

Hàn Tín vẫn chưa nghĩ thông sẽ đi đâu, lại thêm tâm trạng sầu não, vậy nên cũng không đi được nhanh. Đến nửa đêm, khi Hàn Tín tới bờ sông Hàn Khê, nước sông dâng cao, không cách nào vượt sông. Tiêu Hà một mạch vừa hỏi han tin tức vừa đuổi theo Hàn Tín, từ xa xa trông thấy thấp thoáng dưới ánh trăng bên cạnh sông Hàn Khê có kẻ đơn thân độc mã đang men theo bờ tìm cách vượt sông, và người đó không phải ai khác chính là Hàn Tín.

Lưu Bang vì chuyện Tiêu Hà đột ngột bỏ đi mà bất an mấy ngày đêm, dó đó, khi Tiêu Hà đưa Hàn Tín về lại doanh trại, lúc phảng phất thấy mất bóng dáng Tiêu Hà, Lưu Bang còn ngỡ mình đang nằm mơ. Lưu Bang vừa kinh ngạc, vừa vui mừng lại vừa phẫn nộ, không kìm nổi cơn giận đã trách hỏi Tiêu Hà có sao lại bỏ đi. Lưu Bang

không tin rằng Tiêu Hà vì đuổi theo Hàn Tín mà vội đi không nói lời từ biệt, vặn hỏi tại sao mỗi ngày ở đây đều có vài chục hoặc cả trăm binh sĩ bỏ trốn, chỉ tính riêng tướng lĩnh trốn đi cũng đã hơn mấy chục người, hà có gì người khác bỏ trốn thì không đuổi theo, mà lại cứ đuổi theo Hàn Tín?

Lúc này Tiêu Hà nói rằng các quân nhân khác đều thuộc hạng người bình thường, họ đi hay ở cũng không quan trọng; còn Hàn Tín lại khác, là kỳ tài thiên hạ vô song. Nếu Lưu Bang muốn cả đời an phận làm vương ở Hán Trung, [thì chẳng cần Hàn Tín làm gì], nhưng nếu muốn xây dựng nghiệp đế vương, không có Hàn Tín phò tá thì không được.

Nghe đến đây, Lưu Bang không thể không nhìn kỹ Hàn Tín lại lần nữa. Sau một hồi trầm ngâm suy nghĩ, Lưu Bang đồng ý đề bạt Hàn Tín làm tướng quân. Tiêu Hà quả quyết rằng chức vị tướng quân vẫn là thiệt thòi cho bậc kỳ tài như Hàn Tín. Cuối cùng Lưu Bang bắt đắ dĩ để Hàn Tín làm đại tướng quân và cho triệu kiến Hàn Tín, xem xem người này rốt cuộc tài giỏi đến mức độ nào. Tuy nhiên, Tiêu Hà lại không đồng ý, nói rằng bậc đại tướng quân mà hô tới quát lui như vậy thì thật thiếu tôn trọng, cần phải dựa theo khuôn phép chọn ra ngày lành hoàng đạo, trai giới tắm gội, lập đàn sắc phong mới tỏ rõ được thành ý.

Chương 3: Một tay gậy dựng cơ đồ nhà Hán

1. Đối sách Hán Trung

Tháng Sáu Hán Cao Tổ năm thứ nhất (năm 206 TCN), Lưu Bang chọn ngày lành, lập đàn tràng, trai giới, tắm gội, bày lễ, bái Hàn Tín làm đại tướng quân. Bái tướng xong, Lưu Bang hỏi Hàn Tín xem có thể có diệu kế gì để trở về Quan Trung hay không. Quân Hán khi đó binh nhược tướng yếu, căn bản không phải là đối thủ của Hạng Vũ. Bởi vậy Lưu Bang không có đặt ra mục tiêu cao hơn, tâm nguyện lớn nhất của ông là có thể làm Vương ở Quan Trung.

Trước tiên Hàn Tín vạch rõ cho Lưu Bang thấy rằng muốn đông tiến tranh thiên hạ, thì đối thủ lớn nhất là Hạng Vũ. Hàn Tín cũng hỏi Lưu Bang khi so sánh bản thân với Hạng Vũ về các phương diện như: lòng dũng cảm, sức mạnh, lòng nhân hậu và binh lực, thì thấy ai mạnh ai yếu. Lưu Bang trầm lặng hồi lâu rồi nói: *“Ta đều không bằng Hạng Vũ.”* Như vậy, dù là xét về lòng nhân hậu, Lưu Bang cũng không được như Hạng Vũ.

Hàn Tín rời chỗ, bái Lưu Bang hai lạy rồi nói: *“Chúc mừng đại Vương. Biết người biết ta mới có thể bách chiến bách thắng. Thần cũng cho là đại Vương so ra còn kém Hạng Vương. Tuy nhiên, mọi sự đều thay đổi, có lên có xuống. Hạng Vũ nay tuy lớn mạnh, nhưng đại Vương nhất định có thể đánh bại ông ta.”*

Tiếp đó Hàn Tín phân tích nhược điểm trong tính cách của Hạng Vũ, nói rằng Hạng Vũ tuy vũ dũng hơn

người, tiếng thét có thể dọa lui thiên binh vạn mã, nhưng lại không biết dùng người hiền tài, chẳng qua chỉ là cái dũng của kẻ thất phu mà thôi. Mặc dù thường ngày cung kính và nhân từ đối đãi mọi người, khi thuộc hạ bị bệnh đều hỏi han ân cần, nhưng hễ khi đến việc có tính thực chất là phong tước thăng quan, thì ngay cả khi đại ấn đã khắc xong rồi ông ta vẫn cứ mân mê đến mòn cả góc mà vẫn không nỡ trao cho người khác, đúng là lòng dạ đàn bà.

Bên cạnh đó, sau khi trở thành Bá Vương, Hạng Vũ cũng đã làm nhiều việc có phần không thỏa đáng. Đầu tiên, đó là dù đã xưng bá thiên hạ nhưng lại rời bỏ Quan Trung, dựng đô ở Bành Thành làm mất đi địa lợi.



Theo phân tích của Hàn Tín, Hạng Vương trên danh nghĩa là bá chủ, nhưng trên thực tế lại mất đi lòng dân thiên hạ. (Ảnh: Trong chương trình lịch sử “Đàm Tiểu Phong vân” của Tân Đường Nhân)

Thứ hai, làm trái giao ước với Nghĩa đế, phân phong không công bằng. Vùng đất trù phú thì phân chia cho thân tín của mình chứ không phải là người có công lớn nhất, khiến chư hầu căm phẫn bất bình, mất đi cái lợi nhân hòa. Thứ ba, Hạng Vũ kiên quyết đưa Nghĩa đế đến vùng đất Giang Nam, các chư hầu thấy vậy đều bắt chước theo mà xua đuổi các quốc quân nơi mình cai quản, tự lập phe cánh, khiến thiên hạ đại loạn, mất đi lợi thế về thiên thời. Thứ tư, Hạng Vũ đi tới đâu phá tàn diệt tận tới đó, mất đi lòng dân.

Theo phân tích của Hàn Tín, Hạng Vương trên danh nghĩa là bá chủ thiên hạ, nhưng trên thực tế lại không được lòng dân. Nếu Lưu Bang có thể làm ngược lại, trọng dụng những người anh dũng thiện chiến, kỷ luật nghiêm minh quân đội, gương cao ngọn cờ chính nghĩa, thuận theo tâm nguyện trở về miền đông của các tướng sĩ, thì nhất định có thể thắng được Sở Bá Vương.

Chướng ngại đầu tiên của quân Hán khi trở về Quan Trung là ba người: Chương Hàm, Tư Mã Hân và Đổng Ế. Hàn Tín cho rằng ba người này không khó đối phó, bởi họ vốn là tướng nước Tần, chinh chiến nhiều năm, binh sĩ dưới trướng đều theo họ vào sinh ra tử. Nhưng sau khi quân Tần đầu hàng quân Sở, Hạng Vương đã chôn sống 20 vạn quân Tần đã quy hàng, chỉ có Chương Hàm, Tư Mã Hân và Đổng Ế giữ được mạng sống. Do đó dân Tần đều căm hận thấu xương ba người này, họ tuy làm Vương ở Quan Trung, nhưng lòng dân nơi đây lại không phục.

Về phần Lưu Bang, sau khi tiến vào Võ Quan, đã làm theo kiến nghị của Tiêu Hà, chỉ đặt ra ước pháp tam chương với dân chúng mà không quấy nhiễu gì thêm,

nên người dân có lòng mang ơn. Bởi vậy khi Lưu Bang không thể trở thành Vương của Quan Trung, họ đều cảm thấy bất bình. Nếu Lưu Bang muốn phát binh Đông tiến, thì chỉ cần viết một bức thư liền có thể bình định Tam Tần.

Tấu chương “đối sách Hán Trung” lần này của Hàn Tín không chỉ trù tính một kế sách lâu dài đối đầu với Hạng Vũ, mà còn chỉ ra chiến lược giành lấy Quan Trung trước mắt hết sức rõ ràng, kiến giải độc đáo. Quan điểm của Hàn Tín vượt qua sự mạnh yếu của quân sự, chỉ ra mối liên hệ giữa thắng thua trong chiến trận với sự được mất lòng dân, phân tích điểm mạnh yếu của hai bên, nhìn thấy được sự thay đổi trong tương lai cũng như thời cơ và điều kiện dẫn đến sự thay đổi đó. Tất cả cho thấy sự hiểu biết sâu rộng phi phạm của Hàn Tín. Không ít hậu nhân đã xem “đối sách Hán Trung” của Hàn Tín ngang hàng với “đối sách Long Trung” của Gia Cát Lượng và đều hết sức tôn sùng.

Lưu Bang đồng ý với sách lược của Hàn Tín, và mục tiêu đầu tiên là đánh vào Quan Trung, chiếm lấy Tam Tần.

2. Bình định Tam Tần

Giống như Hàn Tín phân tích, sau khi Hạng Vũ phân phong chư hầu, mâu thuẫn giữa các thế lực và phe cánh trong thiên hạ bắt đầu bộc lộ rõ ràng. Người nổi loạn đầu tiên là Điền Vinh nước Tề. Điền Vinh là một thủ lĩnh của quý tộc đất Tề. Thời Hạng Lương còn nắm quyền, Điền Vinh đã vài lần phụ Hạng Lương, nên khi Hạng Vũ phân phong chư hầu đã không phong cho ông ta. Điền Vinh vì vậy vô cùng bất mãn, liền đuổi Tề Vương do

Hạng Vũ sắc phong và tự lập mình làm Tề Vương, đồng thời trợ sức cho Bành Việt, một viên tướng của nước Lương, tiến đánh Định Đào thuộc lãnh địa của Hạng Vũ.

Mặt khác, Trần Dư thấy Trương Nhĩ được sắc phong là Thường Sơn Vương và Triệu Yết làm Đại Vương, còn bản thân lại không được chức tước gì cũng hết sức bất mãn, bèn liên kết với Điền Vinh đối phó Trương Nhĩ và Hạng Vũ. Trương Nhĩ binh bại tìm đến cậy nhờ Lưu Bang. Trần Dư đón Triệu Yết từ nước Đại về lập làm Triệu Vương, còn bản thân làm Đại Vương.

Cùng lúc đó, Liêu Đông Vương Hàn Quảng cũng không thỏa ý, muốn chiếm lãnh địa của Yên Vương, nhưng cuối cùng lại bị Yên Vương tiêu diệt. Vùng đất Trung Nguyên triền miên chìm trong khói lửa chiến tranh, khiến vị trí bá chủ của Hạng Vũ bị lung lay. Hạng Vũ cho rằng Điền Vinh là chủ mưu, nên đích thân dẫn binh chinh phạt.

Hàn Tín thấy thời cơ đã đến, và vào tháng tám Hán Cao Tổ năm thứ nhất, ông đã dẫn quân đông chinh và phát khởi chiến dịch bình định Tam Tần.

Quan Trung và Hán Trung ngăn cách nhau bởi rặng núi Tần Lĩnh với thể núi cao và hiểm trở, giữa hai vùng đất này chỉ có mấy con đường men theo vách núi được hình thành bằng cách đục lỗ bắc cầu, được gọi là cách đạo, hay sạn đạo. Mỗi con đường dài hàng mấy trăm dặm, vô cùng hiểm trở, chật hẹp, hành quân bất tiện, việc vận tải lại càng khó khăn hơn.

Trong số các sạn đạo, đường qua núi Bao Tà và Trần Thương là hai sạn đạo quan trọng nhất. Sau khi Lưu Bang vào Hán Trung đã cho thiêu rụi đường Bao Tà, vốn là sạn đạo dài hơn 600 dặm, muốn tu sửa cũng

không phải là chuyện một sớm một chiều. Bởi vậy chỉ còn sạn đạo Trần Thương là có thể sử dụng được. Nhưng đầu đường này lại có có lực lượng hùng hậu của Chương Hàm trấn giữ, muốn phá vòng vây cũng không phải là việc dễ dàng.

Nhưng những điều này đều không làm khó được Hàn Tín. Ông cử Phàn Khoái, Chu Bột dẫn quân khuếch trương thanh thế tu sửa sạn đạo Bao Tà, làm ra vẻ như quân Hán đang muốn xuất binh từ nơi đây. Chương Hàm sau khi nhận tin lập tức phái thêm binh hùng tướng mạnh phòng ngự tại đầu đường Bao Tà. Nơi đây “một người gác cổng, vạn người khó qua,” do đó, chỉ cần chiếm đóng cửa quan này thì Chương Hàm có thể kê cao gối, không cần lo lắng gì nữa.

Thấy Chương Hàm trúng kế, Hàn Tín liền điều binh khiển tướng đi về phía Tây, ra khỏi huyện Miễn, sau đó chuyển hướng lên phía Bắc, theo con đường cổ đạo (đường cũ) tiến quân vào Trần Thương. Cổ đạo này còn được gọi là Trần Thương đạo. Thời điểm đó, Trần Thương là nơi tích trữ quân lương, là một cứ địa quân sự trọng yếu. Quân Hán tiến vào Trần Thương trước, chẳng khác nào đi vòng qua phía sau quân đội của ba vị Tần Vương. Đại bộ phận binh lực của Chương Hàm đều đã được điều đến Hàm Dương, nên ở Trần Thương gần như không có quân lính, do đó quân Hán dễ dàng lấy được Trần Thương mà không tốn chút sức lực.

Chương Hàm hay tin, vội vàng dẫn quân đến Trần Thương giao chiến với Hàn Tín. Quân Hán với cơn giận dồn nén đã lâu, lại thêm trận mở màn chiến thắng, đương nhiên sĩ khí ngút trời, tựa như mãnh hổ xuống núi. Chương Hàm gấp gáp ứng chiến, lòng quân bất ổn.

Trong lúc hai quân giao chiến, Phàn Khoái, Chu Bột cũng dẫn quân đến hợp lực cùng Hàn Tín, ba mặt giáp công. Chương Hàm bại trận tự sát. Tư Mã Hân và Đổng Ế cũng lần lượt đầu hàng. Không ngờ việc bình định Tam Tần chỉ mất vỏn vẹn bốn tháng. Từ đó Quan Trung đã trở thành căn cứ địa để Lưu Bang đánh bại Hạng Vũ, thống nhất thiên hạ.

Lịch sử gọi chiến lược dẫn quân Hán từ Hán Trung tiến vào Quan Trung của Hàn Tín là: “Minh tu sạn đạo, ám độ Trần Thương” (Vờ sửa sạn đạo, ngầm vượt Trần Thương), đây chính là điểm sáng đầu tiên trong nghiệp cầm quân của Hàn Tín. Ngày nay, câu thành ngữ này thường được dùng để chỉ mưu kế nhằm đánh lạc hướng đối phương. Chiến thuật “Minh tu sạn đạo, ám độ Trần Thương” mà Hàn Tín sáng tạo ra đã luôn được các nhà cầm quân đời sau vô cùng coi trọng, và được đưa vào trong “Tam thập lục kế” của nhà binh.

Quân Hán bình định Tam Tần là một việc chấn động nhưng Hạng Vũ lại nhất thời không để tâm đến. Mưu sĩ dưới trướng ông đều cho rằng Lưu Bang mới chính là kẻ địch mạnh nhất. Đặc biệt là á phụ Phạm Tăng, liên tục khuyên Hạng Vũ phát binh tiến đánh Hán Vương. Vào lúc Hạng Vũ còn chần chừ chưa quyết, Trương Lương chớp thời cơ đưa mật thư đến, nói rằng Lưu Bang chẳng qua chỉ muốn làm Quan Trung Vương mà thôi. Lưu Bang vẫn sẽ mãi mãi phục tùng Hạng Vũ, và còn đính kèm theo một lá “thư phản hồi” về việc Điền Vinh, Bành Việt liên minh chống Sở muốn tranh thiên hạ.

Hạng Vũ xem thư xong tưởng thật, bèn đích thân thống lĩnh đại quân bắc tiến. Trước đánh tan Bành Việt, sau quét sạch Điền Vinh ở Thành Dương, một lần nữa

sắc lập Điền Giả làm Tề Vương. Sau khi Hạng Vũ rời đi, em trai Điền Vinh là Điền Hoành đã đuổi Điền Giả đi. Hạng Vũ cảm giận tức tốc dẫn quân trở lại để giết Điền Hoành. Nhưng Điền Hoành không giao chiến trực diện với Hạng Vũ mà đánh du kích, khiến Hạng Vũ tiến đánh thì khó thắng, mà lui binh lại không đành, hoàn toàn sa lầy trong cuộc chiến với nước Tề.

Lưu Bang thừa cơ củng cố và mở rộng cơ nghiệp Quan Trung của mình. Văn thần võ tướng đều đua nhau kéo đến quy thuận. Kinh đô của Hán Vương cũng dời từ Nam Trịnh có địa thế cô lập đến Nhạc Dương, với phía đông thông với Tam Tấn (Ba nước Triệu, Ngụy, Hàn). Lưu Bang đã lần lượt thu phục được Hà Nam Vương



Hàn Tín bí mật dẫn quân “ám độ Trần Thương”. (Ảnh: Epoch Times)

Thân Dương, Tây Ngụy Vương Ngụy Báo, và Ân Vương Tư Mã Bình, lại dùng kế khiến cháu của Hàn Tương Vương là Hàn Vương Tín làm phản, phế Hàn Vương Trịnh Xương. Sau khi Trương Nhĩ bị Trần Dư đánh bại đã quy hàng Lưu Bang, Trần Bình vốn dưới trướng Hạng Vũ nay cũng đến nương nhờ Lưu Bang.

3. Cứu thua Lưu Bang ở Huỳnh Dương

Giờ đây lãnh địa của Lưu Bang đã được mở rộng gấp mấy lần, quân đội cũng từ ba vạn tăng lên mấy chục vạn. Lưu Bang cảm thấy tự mình có thể đối đầu với Hạng Vũ mà không cần Hàn Tín, đồng thời cũng lo sợ Hàn Tín danh vọng cao quá thì bất lợi cho mình. Hơn nữa lúc này Trương Lương cũng đã trở về bên cạnh, Lưu Bang bèn hạ quyết tâm giải trừ binh quyền của Hàn Tín. Vào đêm trước khi phát động tiến công đánh thẳng vào Hạng Vũ, Lưu Bang đã điều chỉnh lại quân đội, thảo nhiên bãi bỏ chức vụ đại tướng quân của Hàn Tín, để Tiêu Hà và Hàn Tín ở lại đóng giữ Quan Trung, tiêu diệt tàn quân của nước Ung và làm quân hậu viện, còn Lưu Bang đích thân làm thống soái dẫn theo Trương Lương, Trần Bình đông tiến.

Trương Lương tự Tử Phòng, và Hàn Tín, Tiêu Hà được xưng là “Hán sơ tam kiệt” (ba anh tài kiệt xuất của thời đầu nhà Hán), ông nội và cha của ông đều là thừa tướng của nước Hàn. Sau khi Tần Thủy Hoàng diệt Hàn, Trương Lương lập mưu ám sát Tần Thủy Hoàng ở bãi cát Bác Lăng nhưng không thành, nên phải đổi tên và trốn đến Hạ Bi. Ở đây, Trương Lương gặp Hoàng Thạch Công, người thần bí này đã dạy cho ông “Thái Công binh pháp.” Từ đó, Trương Lương trở thành một mưu lược

gia. Về mưu lược, Trương Lương tuy có chỗ hơn người nhưng không thể một mình đảm đương toàn diện quân cơ giống như Hàn Tín. Lúc này Lưu Bang căn bản không chút lo lắng rằng Trương Lương có uy hiếp gì đến mình, nên vẫn luôn dựa vào Trương Lương.

Tháng ba Hán Cao Tổ năm thứ hai (năm 205 TCN), Lưu Bang dẫn đại quân đến Lạc Dương. Theo kế sách của Trương Lương, Lưu Bang đích thân phát tang cho Nghĩa Đế, người bị Hạng Vũ giết hại, lệnh cho toàn quân mặc áo tang và để tang ba ngày, đồng thời phái sứ giả đi tới các lộ chư hầu, truyền lệnh chinh phạt Hạng Vũ để báo thù cho Nghĩa Đế. Lưu Bang lợi dụng điều này thu phục lòng dân, và làm lý do để có thể quang minh chính đại xuất quân.

Dưới ngọn cờ báo thù cho Nghĩa Đế, chỉ trong vòng một tháng, Lưu Bang đã tập hợp được 56 vạn đại quân, khí thế cuộn cuộn tiến về kinh đô Bành Thành của nước Sở. Lúc này, đại quân chủ lực của Hạng Vũ và bản thân Hạng Vũ đều đang sa lầy trên chiến trường trong cuộc chiến với nước Tề, hậu phương bỏ không. Lưu Bang một đường thẳng tiến, suốt hai nghìn dặm hầu như không gặp phải bất kỳ trở ngại nào, dễ dàng đánh chiếm Bành Thành.

Thắng lợi khiến Lưu Bang mê mờ đầu óc, tưởng rằng chiếm được Bành Thành chính là đã có được thiên hạ, căn bản không chút đề phòng Hạng Vũ vẫn còn nguyên thực lực, đã vội đắm chìm trong tử sắc, không triển khai bố trí những công việc cần thiết.

Hạng Vũ trước nay vốn không để mắt tới Lưu Bang, mãi đến khi Bành Thành bị quân Hán đánh hạ, mới nhớ lại lúc ở Hồng Môn Yến, vì quá nhân từ mà không nỡ

xuống tay với Lưu Bang. Vậy mà giờ đây, Lưu Bang lại dám xông vào trong cung của mình tầm hoan tác lạc. Hạng Vũ phẫn nộ, chọn ra ba vạn tinh binh tức tốc hành quân về phía nam, số binh sĩ còn lại tiếp tục chiến đấu với Điền Hoành.

Chỉ trong một đêm quân của Hạng Vũ đã tiến đến huyện Tiêu, đánh tan cánh quân bên trái của quân Hán, đến giữa trưa chiếm lại được Bành Thành. Quân Hán bị đánh tan tác rút lui đến bên bờ sông Cốc, sông Tứ, và bị quân Sở truy diệt, hơn 10 vạn đại quân chen nhau rơi xuống nước mà chết. Tàn binh còn lại bỏ chạy về phía phía nam, khi đến bên bờ sông Tuy thì không còn đường tiến, phía sau lại có binh lính đuổi theo, hơn 10 vạn đại quân đã bỏ mạng dưới nước. “Sử Ký-Hạng Vũ bản kỷ” có ghi: “Nước sông Tuy vì thế mà ngừng chảy.”

Không đến một ngày, 56 vạn đại quân của Lưu Bang đã bị ba vạn quân tinh nhuệ của Hạng Vũ đánh cho tơi tả, bản thân Lưu Bang cũng bị quân Sở bao vây trùng trùng. Trong lúc nguy cấp, bỗng một trận gió lớn nổi lên, cuốn đất đá bay mù mịt, trời đất tối sầm, cây cối đổ gãy, mái nhà hất tung, quân Sở nhất thời lúng túng không biết ứng phó thế nào. Lưu Bang thừa cơ phá vòng vây tháo chạy, chỉ có mười mấy kỵ binh cùng thoát ra được. Lưu Bang và người nhà thất lạc, phụ thân Thái Công cùng vợ là Lã Trĩ bị quân Sở bắt làm con tin. Trên đường chạy thoát thân Lưu Bang đã gặp hai con của mình, chính là Hiếu Huệ Đế Lưu Doanh và Lỗ Nguyên công chúa sau này. Vì để bản thân có thể gọn nhẹ thoát nạn, ông ta đã mấy lần xô hai con của mình xuống xe ngựa, may nhờ Hạ Hầu Anh mấy lần kéo hai đứa trẻ này

lên xe, nhờ vậy mà Lưu Doanh và Lỗ Nguyên mới giữ được tính mạng.

Như vậy trong một trận đánh, Lưu Bang đã gần như mất sạch cơ nghiệp có được kể từ sau khi bình định Tam Tần, 56 vạn đại quân chỉ giờ còn lại không đáng là bao. Quân Hán từ Bành Thành rút về Huỳnh Dương, các lộ chư hầu trước đây đều hàng Lưu Bang, nay thấy quân Sở thắng lớn liền ngả về phía Hạng Vũ. Hình thế đột ngột chuyển ngoặt, phần lớn đất đai phía đông của Huỳnh Dương đã bị quân Sở chiếm lĩnh. Nếu như Hạng Vũ khởi binh tiến công, Lưu Bang thật không còn bất cứ bình phong nào để có thể nương tựa. Điền Hoành, Trần Du thoát tiên tướng rằng có thể cầm chân Hạng Vũ, nay đều giảng hòa với Hạng Vũ. Hạng Vũ bắt đầu chia mũ nhọn về phía Lưu Bang. Lưu Bang không khỏi khiếp sợ, bất đắc dĩ đành phải một lần nữa tìm đến Hàn Tín.

Trước tình thế nguy nan, Hàn Tín vâng mệnh lập tức điều binh phản công quân Sở, rất nhanh chiếm lại được phần lớn lãnh thổ phía đông Huỳnh Dương. Mặt trận nhanh chóng được đẩy mạnh từ Huỳnh Dương về phía đông, một mạch đến chỗ phân chia giữa Huỳnh Dương và Bành Thành. Quân Hán đã xây dựng được hệ thống phòng ngự vững chắc ở những nơi này, khiến trong Hán-Sở tương tranh, quân Hán chuyển từ tình thế hết sức yếu thế sang trạng thái hai bên đối đầu ngang hàng.

Nếu không có Hàn Tín ngăn cơn sóng giữ xoay chuyển cục diện, kết cục của quân Hán quả thật khó tưởng tượng nổi. Thành quả chiến đấu của Hàn Tín khiến sĩ khí quân Hán một lần nữa phấn chấn trở lại, đồng thời, khiến cho các lộ chư hầu khác không dám

manh động. Lưu Bang chuyển nguy thành an và một lần nữa có cơ hội cùng Hạng Vũ tranh hùng.

4. Tập kích bất ngờ phá Ngụy

Sau chiến thắng Bành Thành, Hạng Vũ coi Lưu Bang là mục tiêu chính của mình. Ông điều chỉnh binh lực, liên hợp với các nước như Tề, Triệu, Ngụy và cùng với Cửu Giang Vương Anh Bố chuẩn bị đánh từ hai mặt Bắc Nam, và tiến thẳng đến Quan Trung. Đúng lúc này, Ngụy Vương Báo vốn là thuộc hạ Lưu Bang, thấy Lưu Bang yếu thế, nên có ý định đào phản, cùng liên thủ với Hạng Vũ lên kế hoạch tấn công Lưu Bang từ một phía.

Lãnh địa của Ngụy Vương ở phía đông Hoàng Hà, tây tiến thì uy hiếp Quan Trung, nam hạ thì có thể cắt đứt liên hệ giữa Quan Trung và Huỳnh Dương, vì vậy trước trận chiến quyết định với Hạng Vũ, Lưu Bang phải giải quyết vấn đề của Ngụy Vương Báo. Đầu tiên ông cử biện sĩ Lệ Thực Kỳ đi thuyết khách. Ngụy Vương Báo hàng ngày vô cùng chán ghét đối với thái độ ngạo mạn và thô lỗ của Lưu Bang, nên ông không muốn gặp sứ giả, vì vậy Lệ Thực Kỳ không được việc đành trở về. Lưu Bang bắt đấng dĩ phải tái trọng dụng Hàn Tín một lần nữa, phong ông ta làm Tả thừa tướng kiêm Đại tướng quân, cùng Tào Tham và Quán Anh xuất quân đánh Ngụy.

Ngụy Vương đã bố trí binh mạnh phòng thủ dọc theo bờ sông Hoàng Hà, canh phòng nghiêm mật, không có kẽ hở nào. Vấn đề đầu tiên Hàn Tín phải đối mặt là làm thế nào để vượt sông Hoàng Hà. Quân Hán chỉ có trong tay trăm chiến thuyền cũ kỹ, nếu cố ép vượt sông thì thương vong rất lớn, thắng bại khó lường. Hàn Tín đã dùng diệu kế “trần thuyền Bồ Bản, Mộc Anh độ

quân.” Ông chia binh thành hai đường, một sáng và một tối. Nhóm sáng là nhóm tiến về phía Bồ Bản, do Quán Anh dẫn đầu, dùng một vạn binh mã và hơn một trăm chiếc thuyền dàn trận trên bờ đối diện cửa ải vào Tấn, bày ra thế trận muốn vượt sông. Ngụy Vương Báo nhìn thấy quân Hán bày thuyền ở Bồ Bản, ông ta lập tức thay đổi bố trí, liền điều động rất nhiều binh mã từ nơi khác đến, bày thế trận sẵn sàng chờ đợi.

Đội quân thứ hai âm thầm hành động, đi về phía bắc một trăm dặm là Hạ Dương (nay là Hàn thành tỉnh Thiểm Tây). Bến sông cổ Hạ Dương là một bến đẹp nhất ở giữa từ ải Long Môn đến ải Bồ Tân, mặt sông khoáng đạt, bờ thấp nước lặng, dễ dàng đi thuyền, lại có vùng đất phẳng 20 dặm, thuận tiện cho việc tập kết quân đội. Sau khi đến Hạ Dương, Hàn Tín không dùng thuyền để qua sông, mà cho tìm kiếm những đồ chứa [nước...], chặt cây gỗ, dùng gỗ kẹp các hũ sành lại, dùng dây thừng cố định lại, tạo thành bè gỗ.

Việc vượt sông thì đợi cho đến khi một số binh lính địch ở bờ đối diện được điều động đến Bồ Bản, không làm kinh động đến quân Ngụy, sau khi vượt sông thì tiến thẳng đến Ấp An và nhanh chóng công chiếm được Ấp An

Ấp An là một trọng điểm quân sự, Ngụy Vương Báo không thể không điều quân về ứng cứu. Ngay khi quân Ngụy di tản khỏi Bồ Bản, quân Hán lập tức lên thuyền qua sông và nhanh chóng chiếm Bồ Bản. Hai cánh quân Hán lần lượt vượt sông đánh giáp công với quân của Ngụy Vương Báo ở giữa Bồ Bản và Ấp An. Dưới thành Ấp An, quân Ngụy đại bại bỏ chạy tán loạn, Tào Tham gấp rút truy đuổi. Ngụy quân chạy đến Đông Viên và Tào

Tham theo dấu vết truy đuổi theo, tất cả tàn quân của Ngụy đã bị tiêu diệt, Ngụy Vương Báo bị bắt sống. Sau đó, Hàn Tín lại tiến lên phía bắc để chiếm Bình Dương, một lần là bình định toàn bộ lãnh thổ của Ngụy, trước sau không đến một tháng, ông đã tiêu diệt được nước Ngụy hùng mạnh.

Từ đó, mọi người gọi bến cổ Hạ Dương là “bến Mộc Anh” (chữ Anh ở đây nghĩa là bình nước) hoặc “bến Hoài Âm”

Chiến dịch “Mộc Anh độ hà” (Mộc Anh qua sông) cũng là kinh điển trong lịch sử chiến tranh, không chỉ là phương thức qua sông đặc biệt, mà trình tự chiến lược của nó còn là kỳ diệu hơn. Trước tiên “đương đông kích tây,” đánh tây xong rồi lại đánh đông, khiến cho đối thủ lâm vào tình thế bị đánh bị động. Nhìn chung mà nói, một mưu kế nào đó mà đã thành công rồi, thì người ta sẽ đề phòng. Do đó mà diễn lại kế cũ thì độ khó rất lớn. Nhưng nhà quân sự kỳ tài Hàn Tín có thể hai lần thực hiện kế “Ám độ Trần Thương” (Chọn con đường, cách thức tấn công mà không ai nghĩ tới), có thể nói là trác tuyệt bậc nhất.

Việc Hàn Tín bình Ngụy đã giải tỏa được mối đe sát sườn cho quân Hán, làm cho hậu phương của Quan Trung càng vững chắc hơn, và khiến cuộc tấn công vào cánh phải của Hạng Vũ trở nên bất khả thi, giảm bớt áp lực trên chiến trường Huỳnh Dương. Điều đáng nói là Hàn Tín luôn chú trọng đến việc phá binh làm chủ, tiêu diệt chủ lực của địch chứ không đơn thuần là chiếm thành trì, cho nên địa bàn mà ông giành được nhìn chung rất ổn định, sẽ không có chuyện được rồi lại mất.

Ngay khi nước Ngụy bị tiêu diệt, Lưu Bang lập tức phái người đến trước đưa đi toàn bộ binh lính tinh nhuệ của Ngụy bị bắt làm tù binh cùng số lượng lớn chiến lợi phẩm thu được. Với danh nghĩa hỗ trợ chiến trường Huỳnh Dương, nhưng nguyên nhân quan trọng hơn chính là kiểm chế thực lực của Hàn Tín.

5. Khéo léo thu phục Triệu Yên

Hàn Tín đánh bại Ngụy và nhổ được cái gai đâm sau lưng quân Hán, nhưng ở khu vực phía bắc sông Hoàng Hà thì các nước chư hầu như nước Đại, nước Triệu, nước Yên, nước Tề hùng cứ một phương, cùng với nước Sở chống lại quân Hán. Quân Hán bất lợi về thế trận phía chính diện, Huỳnh Dương đã hai lần thất thủ. Thế trận giằng co gian khổ khiến Lưu Bang đã có lần muốn từ bỏ Huỳnh Dương.

Hàn Tín phân tích tình hình khách quan và chủ động xin lệnh mang ba vạn binh mã lên phía bắc để thảo phạt Yên, Triệu, Đại, Tề và cắt đứt đường vận chuyển lương thảo giữa bọn họ và nước Sở. Nếu như thu phục được các nước chư hầu này, quân Hán sẽ tạo thành một cuộc tấn công hai mặt vào quân Sở. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh Trung Quốc đề xuất một chính sách chiến lược phòng thủ chính diện lâu dài kết hợp tấn công bên sườn. Lưu Bang nhất thời đã không thể lý giải được chiến lược cao siêu này, nhưng cũng không có lý do gì để phản đối nên liền gật đầu đồng ý. Ông quy nước Ngụy thành quận Hà Đông và cho Trương Nhĩ làm trợ thủ cho Hàn Tín, cũng là để giám sát cử động của Hàn Tín.

Vào tháng chín nhuận năm thứ hai của Hán Cao Tổ, Hàn Tín dẫn binh lên phía bắc. Mục tiêu tấn công đầu tiên của ông là nước Đại. Một năm trước, Lưu Bang yêu cầu nước Triệu xuất binh tấn công Hạng Vũ, và Trần Dư đưa ra điều kiện giết chết Trương Nhĩ thì sẽ đồng ý xuất binh. Lưu Bang liền tìm một người giống Trương Nhĩ và giết chết, lừa được Trần Dư xuất quân trợ chiến. Sau đó, Trần Dư phát hiện mình đã bị lừa liền phản bội lại Lưu Bang. Khi đó, Đại vương Trần Dư không ở nước Đại, mà chạy đến nước Triệu làm tướng quốc, giúp Triệu Vương điều hành đất nước, việc chính sự của nước Đại do tướng quốc Hạ Thuyết làm thay. Nước Đại là nước nhỏ binh yếu, không chịu nổi một trận. Hàn Tín tức tốc trực diện tấn công đánh bại quân Đại, bắt sống Hạ Thuyết và hạ xong nước Đại.

Nhưng nước Triệu và nước Đại lại là một thể, nước có thực lực chính là Triệu. Để bảo toàn chiến thắng, tất phải diệt Triệu. Lúc này, Lưu Bang đã cử người đi tiếp nhận quân lính để bổ sung cho nhu cầu của chiến trường Huỳnh Dương. Lần này không chỉ có các tù binh bị bắt đi, mà rút củi đáy nồi nên cả đại tướng Tào Tham và cả đội quân của ông ta cũng được điều chuyển về Huỳnh Dương.

Hàn Tín không muốn đi nửa đường rồi lại phí công, bèn xin phép lập quân tại chỗ tiếp tục bắc tiến đánh Triệu, Lưu Bang khó lòng từ chối, bèn phân bổ một lượng quân nhỏ cho Hàn Tín. Tuy nhiên, đợi khi Hàn Tín tổ chức xong binh mã của mình, thì đã bỏ lỡ cơ hội chiến đấu tốt nhất rồi, và quân Triệu đã bài binh phòng thủ, sẵn sàng đợi trận.

Vùng đất mà nước Triệu chiếm giữ rất dễ phòng thủ và khó bị tấn công. Dãy núi Thái Hành cao lớn và hiểm trở là một bức thành che chở tự nhiên. Lối duy nhất vào nước Triệu là cửa ải Tỉnh Hình, là một trong tám cửa ải nhỏ hẹp của dãy núi Thái Hành. Nơi đây là hẻm núi lớn, kẹp giữa vách núi sừng sững hai bên, con đường hẹp, xe không thể đi song song, ngựa không thể xếp hàng chạy, một người giữ ải, vạn người không thể qua. Để đi qua hẻm núi lớn này, đội quân phải xếp thành một hàng dài, từ đầu đến cuối họ không thể ứng cứu nhau. Chỉ cần quân Triệu đặt một đội quân yếu ớt trấn giữ ở lối ra đầu kia, kẻ địch bên ngoài sẽ khó có thể xâm nhập vào đất Triệu. Hơn nữa, còn có một con sông chảy xiết ở lối ra của cửa ải Tỉnh Hình, điều này cho thấy rằng sau khi vào đất Triệu rồi, thì muốn rút lui từ cửa Tỉnh Hình ra cũng không hề dễ dàng.

Trần Dư lập kế hoạch một mẻ hốt gọn quân của Hàn Tín, nên không hề đưa quân đến trấn giữ cửa ải, mà tập trung đại quân hai mươi vạn binh ở hơi xa phía đông của cửa ải, bày sẵn thế trận chờ quân địch, đợi quân của Hàn Tín hoàn toàn vượt qua cửa Tỉnh Hình rồi sẽ lấy thế mạnh của binh lực tiêu diệt toàn bộ quân Hán. Một kế hoạch hoàn hảo như vậy, đã bị một cao nhân phát hiện ra chỗ sơ hở. Người này chính là thuộc hạ của Trần Dư, Quảng Vũ Quân Lý Tả Xa (cháu của Lý Mục).

Lý Tả Xa cho rằng Hàn Tín một đường thừa thắng mà đến nên khí thế là không thể ngăn cản. Có điều, “Vạn lương ngàn dặm, quân sĩ có đáng đói, đợi hái củi cắt cỏ mà nấu ăn, lính tráng không được ăn no” (Sử ký Hoài Âm Hầu liệt truyện). Ý là cung cấp lương thực từ xa xôi

ngàn dặm, binh sĩ tất phải chịu đói, lại phải chặt củi nấu cơm, lính tráng chắc chắn không được ăn no.

Đây chính là nhược điểm của quân Hán. Lối đi ở cửa ải Tĩnh Hình nhỏ hẹp, lương thảo cho quân Hán sẽ tụt lại phía sau. Nếu như bố trí binh mã từ đường nhỏ cắt đứt lương thảo, đợi quân đội Hàn Tín đi qua cửa Tĩnh Hình, lại phái quân giữ chặt cửa ải, không cho binh mã rút lui, thì quân Hán sẽ rơi vào tình thế lưỡng nan, tiến không vào được Triệu, lùi không thể quay về. Không đầy mười ngày nữa, quân Hán sẽ không cần tấn công mà tự phá. Tuy nhiên, Trần Dư đang tán thưởng lý niệm cho rằng “Nghĩa binh không dùng mưu gian kế lạ” (“Sử ký, Hoài Âm Hầu liệt truyện,”) và thế là đề nghị của Lý Tử Xa đã bị gạt sang một bên.

Hàn Tín khi biết chuyện này, trong lòng rất vui, liền lập tức bố trí hành động. Vào lúc nửa đêm, sai hai nghìn khinh kỵ mang theo cờ đỏ của quân Hán đến ẩn nấp gần doanh trại quân Triệu, lại lệnh cho quân sĩ còn lại ăn sáng trước, xong chuẩn bị xuất phát, và còn dặn mọi người sau khi đánh bại quân Triệu sẽ lại ăn sáng tiếp.

Nghe mệnh lệnh của đại tướng quân, quân sĩ ai nấy đều ngỡ ngác, quân Hán lúc đó chỉ có ba vạn người ngựa, làm sao có thể đánh bại 20 vạn quân Triệu? Hơn nữa còn nói đánh nhau xong sẽ lại ăn sáng! Đại tướng quân chắc không nói trong mơ chứ?

Hàn Tín bỏ qua những ánh mắt bán tín bán nghi của các tướng sĩ, ông chỉ huy một vạn binh lính tiến vào cửa ải Tĩnh Hình và đóng trại quay lưng ra sông (nên còn gọi là **trận Bối Thủy**). Ông đã nhìn thấu chiến lược của Trần Dư là quét sạch quân Hán trong một trận, vì vậy ông ta sẽ không ra tay nếu không thấy toàn bộ quân

Hán. Tình hình quả nhiên đúng như dự đoán của Hàn Tín, một vạn binh sĩ đã vào vị trí một cách êm đẹp.

Sau khi bình minh, Hàn Tín rầm rộ tiến vào cửa Tỉnh Hình, bài binh bố trận bên sông, sau đó hướng vào quân Triệu khiêu chiến. Trần Dư thấy quân Hán ít người, bản thân mình lại có ưu thế về địa hình dựa núi nhìn sông nên dẫn quân tinh nhuệ xông ra. Hai bên giao chiến một lúc, Hàn Tín giả vờ thua chạy, trống trận và cờ cũng không kịp mang theo, vứt đầy cả dọc đường. Trần Dư nhìn thấy, càng cảm thấy nắm chắc phần thắng, liền hạ lệnh cho cả doanh trại tấn công, bắt sống Hàn Tín. Thế là hai nghìn quân Hán nằm mai phục gần doanh trại quân Triệu thừa cơ xông vào, thay hết cờ bằng cờ đỏ của quân Hán.

Bên này Hàn Tín và một vạn binh sĩ bên sông hợp lại ra sức đánh lại sự truy đuổi của quân Triệu. Vì không còn đường rút lui, nên quân Hán liều chết chống trả. Hai bên chém giết hơn nửa ngày, mà vẫn không thắng bại. quân Triệu thấy đánh mãi không thắng, định thu quân về trại. Quay đầu nhìn lại, thấy trong doanh trại đều phấp phới lá cờ của quân Hán, cho rằng quân Hán đã chiếm doanh trại của mình, bỗng chốc lòng quân tan rã. Thế trận đại loạn, quân sĩ chạy trốn khắp nơi. Lúc này, quân chủ lực của quân Hán vốn đã rút lui ra bờ sông quay đầu phản công lại, cùng với hai nghìn binh sĩ thừa cơ hai mặt giáp công, quân Triệu đại bại. Trần Dư chết trận, Triệu Vương là Yết và Lý Tử Xa bị bắt sống. Lãnh thổ nước Triệu cũng bị quân Hán chiếm đóng.

Sau trận chiến, các tướng sĩ hỏi Hàn Tín, trong binh thư nói rằng bố trí quân nên “hữu bội (bối) sơn lãng, tiền tả thủy trạch,” điều này có nghĩa là nên bố trí phía

sau bên phải dựa vào núi, phía trước là thủy, mà tướng quân lại hạ lệnh **bối thủy bày trận**, tuy đã giành được chiến thắng, nhưng rốt cục là đạo lý gì?

Hàn Tín cười nói: “Trong binh thư có câu: ‘Hãm chi tử địa nhi hậu sanh, trí chi vong địa nhi hậu tồn’(đặt mình vào chỗ chết thì sẽ được sống), đội quân này là đội quân mới, vì vậy chỉ có thể trước tiên đưa họ vào nơi phải chết, để mọi người đều vì sự sinh tồn của riêng mình mà chiến đấu. Nếu không, khi vừa khai chiến, họ sẽ mạnh ai nấy chạy, đội hình tan rã.” Khi đó mọi người mới biết Hàn Tín là một cao thủ dùng binh biết kết hợp chiêu mới lạ với chính thống áp dụng linh hoạt. Đây chính là nguồn gốc của câu thành ngữ “Bối thủy Nhất chiến.”

Hàn Tín vô cùng khâm phục kiến thức của Quảng Vũ Quân Lý Tả Xa. Khi Lý Tả Xa bị đưa đến doanh trại quân Hán, Hàn Tín đã đích thân cởi trói cho ông và xin tha tội, rồi mời ông ngồi hướng đông, còn mình thì giống như học trò ngồi ở phía tây hướng về phía ông ta hỏi về sách lược tấn công nước Yên và nước Tề. Lý Tả Xa khiêm nhường nói: “Một tướng đã bại trận, không được bàn về dũng cảm. Một đại phu đã mất nước, không có tư cách mưu tính nữa.’ Tôi là tù nhân trong tay ông, có tư cách gì để bàn mưu kế quân sự với ông?”

Hàn Tín vội trả lời: “Vào thời Xuân Thu, Bách Lý Hề trước làm quan nước Ngụy, về sau nước Ngụy bị diệt, ông được Tần Mục Công dùng năm tấm da dê chuộc tội, trở thành quan Đại phu nước Tần, giúp Tần Mục Công thực hiện được mưu lược vĩ đại là bá chủ chư hầu. Cũng không phải Bách Lý Hề ngu muội khi ở bên nước Ngụy, và trở thành tài năng khi đến nước Tần, cũng không

phải ông ta không hết mình vì nước Ngụ và tận tâm hơn với nước Tần, mà vì quân vương của nước Ngụ không muốn nghe theo lời khuyên của ông ta. Nhưng Tần Mục Công lại tiếp thu những diệu kế của ông ta. Nếu như Trần Dư nghe theo kế sách của ông, thì tôi, Hàn Tín này đã trở thành tù nhân rồi. Chính vì ông ta không sử dụng kế sách của ông, nên ông ta mới thua tôi, và tôi mới có cơ hội để xin lời ông chỉ bảo.”

Lý Tả Xa thấy Hàn Tín nói thật lòng thật dạ như vậy thì rất cảm động, phân tích kỹ càng tình thế hiện tại: Kẻ trí lo một nghìn cái, ắt có một cái hỏng, kẻ ngu lo một nghìn cái, ắt có một cái được. Thành An Quân Trần Dư cũng là người đánh trận từ lâu, lần này lại cho rằng có kế sách vẹn toàn, một khi lỡ tay nên kết quả là quân bại thân vong. Tướng quân, ông đã bắt được Ngụy Vương Báo làm tù binh và bắt sống được Hạ Thuyết, một trận mà hạ được Tỉnh Hình, trong một ngày tiêu diệt được 20 vạn quân tinh nhuệ của nước Triệu, vang danh trong nước, uy chấn thiên hạ. Đây là lợi thế của tướng quân.

Tuy nhiên, các tướng do tướng thống soái cũng là đội quân mệt mỏi rồi, e rằng khó đánh liên tục, đây chính là thế yếu của tướng quân. Nếu chúng ta để cho đội quân kiệt quệ đi tấn công nước Yên đang thành vững quân mạnh thì khó có thể đánh nhanh thắng nhanh. Còn như đánh nhau dài ngày mà cũng không nắm chắc phần thắng, tinh thần binh lính sẽ không tránh khỏi thất vọng, lương thảo cung cấp cũng sẽ gặp vấn đề.

Một nước Yên nhỏ bé mà đánh lâu không bị hạ, thì nước Tề lớn mạnh hơn nước Yên càng không dễ khuất phục. Cách tốt nhất là án binh bất động, trước hết phải vỗ về nước Triệu, khao thưởng ba quân, nghỉ ngơi

dưỡng sức. Đợi sau khi hai nước Triệu, Đại ổn định, thì đưa quân tiến lên phía bắc, thẳng tiến đến nước Yên. Khi đại quân áp sát biên giới, thì cử người giỏi thuyết khách ở phía trước binh sĩ kêu gọi họ đầu hàng, nói rõ thiệt hơn, với danh tiếng hiển hách của tướng quân, nước Yên không dám không đầu hàng. Sau đó, đem uy thế đó để đi thuyết phục nước Tề, nước Tề chắc chắn sẽ xem chiều gió mà quy thuận. Hàn Tín nghe rồi trong bụng tấm tắc tán thưởng, liền lập tức sai sứ sang nước Yên, đưa thư cho vua nước Yên, nói rõ lợi hại khuyên nên quy hàng. Yên Vương khiếp sợ trước uy danh của Hàn Tín, quả nhiên nộp tiền và đầu hàng, bỏ Sở theo Hán, tạo thành câu “thước thư hàng Yên” được thiên cổ ca ngợi. (sách ngày xưa dùng thanh tre dài nên gọi thước)

6. Rạng đông đoạt ấn tướng

Hàn Tín sau khi giành được chiến thắng liên tiếp ở phía bắc, toàn bộ hình thế chiến trường bắt đầu có lợi cho quân Hán, Hạng Vũ trở nên rất căng thẳng và thường cho quân quấy rối biên giới nước Yên và nước Triệu. Hàn Tín bôn ba ngược xuôi, đánh đuổi quân Sở, vỗ về dân chúng, đồng thời huấn luyện chiêu mộ tân binh, để hỗ trợ cho chiến trường chính diện của Lưu Bang. Cũng trong lúc đó, mấy nước Triệu, Đại, có lúc phát sinh chiến sự lẻ tẻ. Để tiện quản lý, Hàn Tín tiến cử với Lưu Bang xin lập Trương Nhĩ làm Triệu Vương. Thực ra, dựa vào công trạng của Hàn Tín, việc xin tự phong làm vương cũng là hợp lý. Trương Nhĩ là bạn cũ của Lưu Bang nên đã chiếm được lòng tin của ông, hơn nữa Lưu Bang lại đang bị Hạng Vũ lấn át không thở nổi, cho nên đã vui vẻ đồng ý với đề nghị của Hàn Tín.

Trong khi Hàn Tín đánh Đại phá Triệu, Hạng Vũ bắt đầu một cuộc phản công quy mô lớn chống lại Lưu Bang. Đương nhiên, Lưu Bang không phải là đối thủ của Hạng Vũ, quân Sở đã rất thuận lợi giành lại tất cả các thành trì của quân Hán ở phía đông Huỳnh Dương, cắt đứt đường lương thực của Huỳnh Dương, và bao vây Huỳnh Dương đến mức con kiến không lọt. Lần bao vây này là hơn một năm.

Lưu Bang đánh trận không giỏi, nhưng giữ mạng thì lại có tài. Đầu tiên, ông ta dùng kế khuyên Anh Bố phản Hạng Vũ, và sau đó đưa cho Trần Bình bốn vạn lượng vàng để ly gián mối quan hệ giữa Hạng Vũ và các tướng Chung Ly Muội, Long Thụ..., khiến Phạm Tăng, mưu sĩ thân tín nhất của Hạng Vũ tức giận bỏ đi, nhưng cuộc bao vây ở Huỳnh Dương vẫn không giải thoát được. Cuối cùng, Lưu Bang dùng kế trá hàng, dùng tướng quân Kỷ Tín đóng giả là bản thân, còn mình thì lợi dụng lúc hỗn loạn mà chạy trốn.

Hạng Vũ sau khi giành lại được Huỳnh Dương đã thừa thắng xông lên và giành lại được thị trấn quan trọng Thành Phụ. Lưu Bang thì như con rùa rụt cổ ở phía nam Vũ Quan, chỉ thủ mà không chiến, đồng thời nhiều lần sai Bành Việt đến quấy rối hậu phương của Hạng Vũ. Bành Việt đánh mãi đến vùng phụ cận của Bành Thành, trực tiếp uy hiếp kinh đô của nước Sở, Hạng Vũ bị ép đành ngàn dặm đưa quân hồi kinh, nên áp lực của Lưu Bang tạm thời giảm bớt, nhân cơ hội này chiếm lại được Thành Phụ và Huỳnh Dương. Hạng Vũ sau khi đánh bại Bành Việt, liền đưa quân trở về Huỳnh Dương tấn công Lưu Bang, chưa đầy một tháng sau, liền tiếp hạ được

Huỳnh Dương và Thành Phụ. Trước khi Thành Phụ bị phá, Lưu Bang và Hạ Hầu Anh đã trốn thoát.

Lưu Bang thế cùng lực tận bị Hạng Vũ đánh cho sợ hãi, nhưng trốn đi đâu mới là an toàn? Ông nghĩ đến Hàn Tín đang đóng quân ở Tu Vũ.

Sau khi Hàn Tín thu phục được nước Yên, kế hoạch là tiến đến nước Tề. Vì Lưu Bang liên tục thua trận trên chiến trường trực diện và chạy về phía bắc, Hàn Tín vì thuận tiện cho việc huấn luyện binh sĩ chi viện cho Lưu Bang nên đã chọn Tu Vũ ở cực nam đất Ngụy (nay là Tiểu Tu Vũ thuộc huyện Hoạch Gia, tỉnh Hà Nam) làm căn cứ địa để tiện luyện binh chi viện Lưu Bang, cũng gần chiến trường của Lưu Bang hơn.

Nghĩ đến Hàn Tín, tâm tình của Lưu Bang vô cùng phức tạp. Một mặt nhờ Hàn Tín chống đỡ cục diện, ông mới có thể chết đi sống lại hết lần này đến lần khác, thật đúng là vô cùng may mắn. Mặt khác, Hàn Tín chỉ dựa vào ba vạn binh mã tầm thường lại chế phục được các chư hầu phương Bắc, còn ông thân là Hán vương lại trận thắng trận thua, thật không biết để mặt mũi vào đâu. Bây giờ Hàn Tín đã có hơn mười vạn binh mã, Lưu Bang chỉ còn lại một người một xe, ông muốn có được quân tiếp viện nhưng lại không muốn nợ ân tình của Hàn Tín. Lưu Bang trầm ngâm suy nghĩ, trù tính ra một màn kịch “Rạng đông đoạt ấn tướng.”

Tháng sáu năm thứ tư Hán Cao Tổ (tức năm 203 TCN), Lưu Bang cùng với Hạ Hầu Anh nhếch nhác trốn chạy từ Thành Cao, suốt quãng đường ăn gió nằm sương đã đến được Tu Vũ, nơi Hàn Tín đóng quân. Nhưng Lưu Bang với bản tính đa nghi ngờ vực, nên không vào doanh trại gặp mặt Hàn Tín, Trương Nhĩ, mà âm thầm

lặng lẽ ở trong trạm dịch. Ngày hôm sau trời còn chưa sáng, nhân lúc Hàn Tín, Trương Nhĩ vẫn còn đang ngủ say, Lưu Bang giả trang thành sứ giả của Hán vương lên vào trong trướng của Hàn Tín, lấy trộm binh phù, lệnh tiễn và tướng ấn của Hàn Tín, Trương Nhĩ, đoạt binh quyền của hai người họ vào trong tay mình. Lại triệu tập các tướng lĩnh khác, bố trí lại chức vị các tướng mới yên tâm đánh thức hai người Hàn Tín và Trương Nhĩ.

Hàn Tín và Trương Nhĩ vội vàng áo mũ ra tương kiến. Lưu Bang phong cho Hàn Tín là tướng quốc, chiêu mộ những thanh niên đất Triệu để huấn luyện thành một đội quân mới tấn công nước Tề; lệnh cho Trương Nhĩ quản lý đất Triệu và đất Đại, còn mình thì đưa đại quân của Hàn Tín đi giải cứu chiến trường chính diện. Dựa vào quân đội của Hàn Tín và sự hỗ trợ của Bành Việt ở phía sau Hạng Vũ, Lưu Bang cuối cùng đã giành lại được Huỳnh Dương và Thành Phụ.

7. Chiếm lĩnh nước Tề

Nước Tề đất rộng người đông, thực lực hùng hậu. Khi Sở-Hán giằng co, nước Tề bảo trì trung lập, tọa sơn quan hổ đấu. Sau khi nước Triệu bị công phá, vì để phòng Hàn Tín tấn công, nước Tề đã điều 20 vạn đại quân tới biên giới bày sẵn trận địa chờ Hàn Tín.

Dù Lưu Bang hiểm trá thâm độc, lại tước mất binh quyền của Hàn Tín, nhưng Hàn Tín đối với Hán vẫn một lòng trung thành như thuở đầu. Ông lập tức chiêu binh mãi mã, tổ chức lại một nhánh quân mới, chuẩn bị tiến đánh nước Tề. Hàn Tín trị quân là có phương pháp bài bản, tân binh được chiêu mộ chỉ sau một thời gian ngắn huấn luyện đã trở thành những tinh binh thiện chiến.

Lưu Bang lại lo số lượng tân binh không đủ để đối kháng với quân Tề, nên điều Tào Tham và Quán Anh đến giúp đỡ, cũng là để tiện bề giám sát Hàn Tín.

Trước lúc Hàn Tín xuất binh đánh Tề, mưu sĩ của Lưu Bang là Lê Thực Kỳ xin được sang Tề chiêu hàng. Ông đến nước Tề không e dè mà ngay trước mặt Tề vương Điền Quang và tướng quốc nước Tề là Điền Hoàn tuyên dương chiến tích ngày trước của Hàn Tín, nêu ra bài học kinh nghiệm của Ngụy Vương Báo, Triệu Vương Yết và Trần Dư, Hạ Thuyết và tiền lệ nước Yên đầu hàng, chỉ ra rằng chỉ quy hàng mới có thể giữ được giang sơn, còn không sẽ bị diệt vong.

Điền Hoàn và Điền Quang không phải là đồng minh của Hạng Vũ, nếu giao chiến với Hàn Tín cũng không nắm chắc phần thắng, liền bị Lê Thực Kỳ thuyết phục mà quy hàng, còn tôn Lê Thực Kỳ làm thượng khách, đồng thời cũng buông lỏng việc phòng thủ ở biên cương.

Hàn Tín dẫn quân tiến về phía đông, khi còn chưa từ đồng bằng vượt qua Hoàng Hà, liền nghe nói Lê Thực Kỳ do Hán vương phái đi đã thuyết phục được nước Tề quy hàng. Tuy không rõ nội tình, ông vẫn lên kế hoạch thu binh trở về kinh thành. Nhưng mưu sĩ Khoái Triệt lại có suy nghĩ khác.

Khoái Triệt là người đất Phạm Dương, để tránh phạm tên húy của Hán Vũ Đế Lưu Triệt, nên sử sách thường dùng từ “Thông” thay cho từ “Triệt,” gọi ông là Khoái Thông. Ông là người thông minh nhạy bén, có tài hùng biện. Trong những năm cuối của nhà Tần (209 TCN), Trần Thắng tự lập mình làm Vương, phái đại tướng quân Vũ Thần dẫn quân tiến đánh nước Triệu. Khoái Triệt trợ giúp Vũ Thần, khuyên huyện lệnh Phạm

Dương đầu hàng, do đó ảnh hưởng đến các quan ấp lệnh khác của nước Triệu, khiến Vũ Thần không hao phí một binh tốt nào đã chiếm được hơn 30 thành. Do đó Khoái Triệt được biết đến là một “thuyết sĩ.”

Khoái Triệt cảm thấy việc hành động bãi binh ngưng chiến của Hàn Tín lần này là không thỏa đáng. Ông nhắc nhở Hàn Tín: “Đại tướng quân ngài công đánh nước Tề là phụng theo mệnh lệnh của Hán Vương. Thế nhưng Hán Vương phái sứ giả tới khuyên giải nước Tề đầu hàng lại không hề thông báo để ngài dừng việc tiến quân. Nếu bây giờ dừng đánh Tề, há chẳng phải là trái lệnh Hán Vương hay sao? Hơn nữa, Lệ Thực Kỳ chỉ là một gã thư sinh, chỉ dựa vào ba tấc lưỡi mà thật sự có thể khuyên hàng được một nước Tề lớn mạnh như vậy sao? Nếu không có sức mạnh và uy dũng quân đội của ngài tiến sát biên giới trấn áp, thì đây sẽ là chuyện không thể.”

Hàn Tín cảm thấy lời của Khoái Triệt rất có lý. Nước Tề thực lực hùng mạnh, không dễ mà tận tâm tận lực phục tùng nhà Hán. Nếu một ngày kia thế cục thay đổi, khó tránh sinh lòng phản nghịch, tốt hơn nên giải quyết triệt để. Thế là nhân lúc quân Tề không phòng bị, Hàn Tín tấn tốc dẫn đại quân vượt sông Hoàng Hà, tiêu diệt quân chủ lực của Tề, dễ dàng chiếm lấy Lịch Hạ. Tiếp đó, Hàn Tín cấp tốc công chiếm các nơi khác, đích thân dẫn Hán quân chủ lực ngày đêm tiến về Lâm Truy, kinh đô nước Tề.

Theo “Sử ký Lệ sinh lục cổ liệt truyện”: “Tề vương Điền Quang nghe tin quân Hán đến, tưởng rằng Lệ Sinh đang phản mình, bèn viết: “Chỉ cần người ngăn được quân Hán, ta sẽ để người sống; bằng không, ta sẽ nấu

chín người! Lê Sinh viết: “Người có thể làm đại sự không cầu nệ tiểu tiết, người có đạo đức cao thượng cũng không mượn cơ không tiến.”

Điền Quang, Điền Hoành hay tin, không nén được cơn giận, cho rằng Lê Thực Kỳ nhận lệnh làm sứ đến nước Tề là nhằm mục đích khiến người Tề buông lời phòng bị, để quân Hán thừa cơ tiến vào. Họ lệnh cho Lê Thực Kỳ bảo Hàn Tín lui binh, nếu không sẽ bị cho vào vạc dầu. Lê Thực Kỳ đã chọn cái chết.

Sau khi giết Lê Thực Kỳ, Điền Quang, Điền Hoành hoảng hốt dẫn quân thoát thân. Hàn Tín chia binh truy kích tàn quân, các lộ quân Tề liên tiếp bại trận, toàn bộ nước Tề rất nhanh đã nằm gọn trong tay Hàn Tín. Toàn bộ cuộc chiến diệt Tề chỉ diễn ra vồn vện trong chưa đầy một tháng.

Có học giả đời sau cho rằng Hàn Tín là người gây ra cái chết của Lê Thực Kỳ, rằng việc Hàn Tín đánh Tề là do ông đổ kỵ với công lao của Lê Thực Kỳ. Kỳ thực, quan điểm này là vô căn cứ. Có ba nguyên nhân như sau:

Thứ nhất, Hàn Tín chí hướng cao xa, tấm lòng thần dũng, tuyệt đối không phải là kẻ tranh danh đoạt lợi. Ngay từ lúc bắt đầu dẫn binh ra trận đã lập được chiến công hiển hách, thế nhưng Lưu Bang chẳng những không trọng thưởng, trái lại còn ba lần bảy lượt chiếm đoạt thành quả thắng lợi từ tay Hàn Tín làm của riêng. Hàn Tín đối với chuyện này không một câu oán thán, vẫn một lòng tận tâm trung thành và suy nghĩ cho Lưu Bang, hoàn toàn không có chút oán trời trách người. Sau khi đánh bại nước Triệu, Hàn Tín không tranh công đòi thưởng cho mình, mà xin Lưu Bang phong Trương

Nhĩ làm Triệu Vương, do đó, Hàn Tín muốn tranh công lao của Lệ Thực Kỳ để làm gì?

Thứ hai, từ bình định Tam Tần đến gửi thư chiêu hàng nước Yên, công lao của Hàn Tín đối với nhà Hán đã vượt trên tất cả chiến tướng và mưu sĩ dưới trướng Lưu Bang, ông hoàn toàn không cần thiết phải tranh cao thấp với một mưu sĩ.

Thứ ba, cái chết của Lệ Thực Kỳ hoàn toàn là âm mưu của Lưu Bang. Trên chiến trường Huỳnh Dương, Lưu Bang bị hãm trong tình thế xấu không tài nào thoát ra, con đường nhanh nhất là phải mau chóng đánh hạ nước Tề để phân tán sức công kích của quân Sở, từ đó giải cứu Huỳnh Dương. Vì để đảm bảo đánh bại được Tề, Lưu Bang bèn điều động binh sĩ chi viện cho Hàn Tín một cách bất thường. Tuy đã được chi viện, nhưng so với quân Tề, số lượng quân Hán vẫn còn thua xa. Bởi vậy khi Lệ Thực Kỳ tự mình xung phong đi chiêu an nước Tề, Lưu Bang liền gặp dịp mà lợi dụng. Việc Lưu Bang một mặt để Lệ Thực Kỳ đi khuyên hàng, nhưng mặt khác lại không thông báo cho Hàn Tín dừng tiến quân, đã là minh chứng quá rõ ràng. Đối với cái chết của Lệ Thực Kỳ, Lưu Bang vốn không chút ân hận tiếc nuối. Hồi đó, vì để có thể thoát thân, Lưu Bang đã từng mấy lần xô hai đứa con của mình xuống xe. Người mà ngay đến con mình cũng không màng thì làm sao có thể để tâm đến một mưu sĩ hèn mọn đây?

Bởi vậy Lệ Thực Kỳ chết là lỗi ở Lưu Bang.

Hơn nữa, điểm này cũng cho thấy một quỷ kế khác của Lưu Bang, nhằm khiến Hàn Tín dù thắng hay bại đều không thể có kết cục tốt. Nếu Hàn Tín ngưng đánh

thì là làm trái ý chỉ của Lưu Bang, còn nếu Hàn Tín tiến đánh, thì vẫn là làm trái ý chỉ của Lưu Bang.

Lúc đó, Tề Vương ngoài miệng nói đồng ý quy thuận Lưu Bang, nhưng thực tế không hề có văn thư chính thức. Dựa theo biểu hiện bên ngoài, có thể thấy loại quy thuận này của nước Tề giống với kế hoãn binh hơn, thực chất vẫn là tọa sơn quan hổ đấu. Nếu không giải quyết tận gốc lực lượng quân sự của nước Tề, thì Hàn Tín không thể bình yên kéo quân xuống phía nam đánh Sở.

Cuộc chiến diệt Tề đã khiến chênh lệch lực lượng quân đội nghiêng về phía nhà Hán. Quân Hán đã hoàn thành việc bao vây Hạng Vũ trên quy mô lớn, là sự bảo đảm cho thắng lợi sau cùng.

Diệt Triệu, phạt Tề là những trận đánh kinh điển của Hàn Tín, từ trạng thái không binh đến lấy ít thắng nhiều, bắt toàn bộ quân địch, giết chủ soái, công chiếm hoàn toàn một nước chỉ mất mấy tháng.

8. Trận chiến Duy Thủy

Thời gian Hàn Tín công phá nước Tề cũng chính là lúc Hạng Vũ đông chinh Bành Việt lần thứ hai. Chỉ trong 15 ngày đã lấy lại 17 tòa thành trì, bình định đất Lương. Tề vương Điền Quang bại trận tan tác, bắt đấng dĩ đành cầu cứu Hạng Vũ. Sau khi suy nghĩ kỹ lưỡng, Hạng Vũ quyết định để đại tướng Long Thư làm thống soái, dẫn theo 20 vạn binh mã đi cứu Tề.

Long Thư tấn tốc hành động, đến tháng 10 đã cùng Tề Vương Điền Quang hợp lực ở Cao Mật. Tình thế khi đó đối với Hàn Tín có thể nói là vô cùng bất lợi. Phía tây nam có quân của Điền Hoành, đông nam có quân của

Điền Quang, đông bắc có quân của Điền Ký, tạo thành thế giáp công. Long Thu là đệ nhất mãnh tướng của Hạng Vũ, đã từng liên thủ cùng Điền Vinh đại phá quân Tần ở Đông A, danh tướng Anh Bố cũng là bại tướng dưới tay ông. Đại quân liên minh Tề-Sở đã lên tới hơn 20 vạn, trong đó quân của Long Thu phần lớn là kỵ binh Lôu Phiền, vô cùng tinh nhuệ. Trong khi đó, Hàn Tín chỉ có trong tay không đến 10 vạn quân, đã vậy còn phải phân tán binh lực đi các nơi như Lịch Hạ, Lâm Truy, để đề phòng sự phản công của Điền Hoàn, Điền Ký.

Khi hai quân còn chưa giao tranh, mưu sĩ dưới trướng Long Thu đã hiến kế, rằng quân Hán xa quê liêu chết chiến đấu, tinh nhuệ khí thế khó bề cản nổi. Còn hai quân Tề, Sở thì lại tác chiến ngay trước cửa nhà, nên binh sĩ dễ bề tháo chạy. Bởi vậy chi bằng cho xây dựng lũy cao hào sâu để Tề Vương phá đại thần tâm phúc đi chiêu hàng những thành ấp đã mất. Tướng sĩ ở những thành ấp đó nếu biết được quân vương của mình vẫn còn sống, lại thêm quân Sở đến cứu viện, nhất định đều sẽ vùng lên chống lại quân Hán. Quân Hán đang tạm lưu lại đất Tề, cách xa bản quốc hai nghìn dặm, nếu như toàn bộ thành ấp nước Tề đều nhất tề phản công, quân Hán sẽ không có chỗ nào để lấy lương thảo, như vậy có thể không cần phải đánh mà lại khiến địch tự hàng.

Đây quả thực là thượng sách trong thượng sách để phá quân Hàn Tín, nhưng Long Thu lại không đồng ý. Ông nói: “Hàn Tín chẳng qua chỉ là kẻ sống nhờ đồ bố thí của bà lão giặt đồ, chui qua háng người khác, không đáng để phải sợ. Và lại hiện giờ mang danh đi cứu viện nước Tề, nếu không đánh một trận mà chỉ chờ quân Hán chủ động đầu hàng, thì há chẳng phải ta không có

công lao gì đáng kể ư! Nếu đánh bại Hàn Tín, một nửa nước Tề liền rơi vào tay ta.”

Điều Long Thư suy tính chính là, nếu như kiên thủ không đánh, lực lượng quân Tề sẽ nhanh chóng khôi phục. Tuy là có thể đánh bại Hàn Tín, nhưng người nắm giữ nước Tề vẫn là họ Điền, Long Thư và nước Sở sẽ không thu được lợi lộc gì. Nước Tề và nước Sở vốn có thù không đội trời chung, lần này cũng bởi tình thế ép buộc mới phải tạm gác ân oán sang một bên. Một khi qua cơn nguy khốn, quan hệ hợp tác giữa hai bên cũng sẽ lập tức tan thành mây khói, vậy thì Long Thư tiến quân lên phía bắc lần này chẳng qua chỉ là làm không công cho nước Tề. Bởi vậy Long Thư chỉ còn cách quyết đấu với Hàn Tín một phen.

Tháng 11 năm Hán Cao Tổ thứ 3 (năm 202 TCN; thời đó tháng 10 được tính là tháng Giêng), liên quân Tề-Sở bày binh bố trận ở bên kia sông Duy Thủy. Điền Quảng và Long Thư hợp quân ở bờ đông, còn Hàn Tín thì ở bờ tây. Ưu thế về binh lực và thiên hiểm của Duy Thủy khiến Long Thư tin rằng bản thân đã nắm chắc phần thắng trong tay.

Hàn Tín sai người ngày đêm gấp rút làm hơn 10 nghìn bao túi, sau đó cho đựng đầy đất cát rồi đem chặn ở thượng du sông Duy Thủy, khiến nước sông tích tụ lại tạo thành một đập chứa nước. Ông lệnh cho một nửa số quân mã mai phục ở bờ sông, còn bản thân dẫn theo một nửa binh sĩ vượt sông tập kích Long Thư.

Long Thư thấy vậy cười thầm: “Hàn Tín quả nhiên chỉ là hữu danh vô thực, ngay đến đạo lý rằng “tập kích quân địch khi họ vượt được nửa sông thì ắt thắng” mà cũng không biết, vậy để ta giáo huấn hắn một chút.” Thế

là Long Thư bèn nhân lúc quân Hán mới vượt được nửa sông, hạ lệnh tấn công.

Hàn Tín giả thua tháo chạy trở về. Long Thư dương dương tự đắc, càng tin Hàn Tín là kẻ nhát gan, bèn tiên phong cưỡi ngựa xung trận, dẫn theo rất nhiều binh sĩ vượt sông truy kích. Ngay khi quân tiên phong của Long Thư vừa qua sông, quân chủ lực mới qua được nửa sông, Hàn Tín lập tức lệnh cho quân sĩ phá rách bao đựng cát để nước sông cuồn cuộn đổ xuống như dòng lũ, khiến binh sĩ của Long Thư ở giữa sông bị cuốn trôi hơn một nửa. Quân Tề, quân Sở trên bờ bị chia cắt ở hai bên sông, đầu cuối không thể tiếp ứng lẫn nhau. Quân Hán thừa cơ dừng mãnh phản công. Trong lúc hỗn chiến, Long Thư bị Tào Tham giết chết, toàn bộ liên quân Tề – Sở ở bờ tây đều bị quân Hàn Tín tiêu diệt. Bộ phận quân Sở còn mắc ở phía đông của dòng sông không chiến tự bại, bỏ chạy tán loạn.

Hàn Tín dẫn quân ráo riết truy đuổi tàn quân đến Thành Dương, bắt sống Điền Quang, Điền Quang và Điền Chương, giành toàn thắng. Tào Tham đông tiến, dẹp yên quân của Điền Ký, còn Quán Anh dẫn quân về hướng tây truy kích Điền Hoàn. Quân Điền Hoàn tan tác chạy đến đất Lương, quy thuận Bành Việt. Quán Anh tiếp tục tiến quân đến Can Thừa công đánh tướng Điền Hấp. Hai tướng Tề là Điền Hấp, Điền Quang đều tử trận nơi chiến trường. Cuối cùng, quân Hán đã bình định đất Tề, tổng cộng chiếm được hơn 70 thành trì.

9. Tự xin phong vương

Hàn Tín sau khi đại phá đạo quân của Long Thư, bình định nước Tề, bước tiếp theo chính là quyết chiến

với Hạng Vũ. Nhưng trước đó, việc then chốt nhất chính là củng cố thành quả đã đạt được. Người Tề trước nay vốn không cam tâm bị người khác thống trị, lại thêm Điền Hoàn còn chưa chết, càng khiến nước Tề thêm chông chênh. Số thành trì của nước Tề mà quân Hán chiếm lĩnh được còn nhiều hơn tổng số thành trì đã chiếm lĩnh trước đó. Cho nên việc trấn thủ nước Tề quả là một thách thức rất lớn.

So với nước Yên, thế cục nước Tề càng phức tạp hơn. Bên cạnh Hàn Tín cũng không có nhân tài quản lý đất nước tựa như Trương Nhĩ, mà chỉ có những người nhà võ như Quán Anh, Tào Tham. Không còn cách nào khác, Hàn Tín buộc lòng phải viết thư cho Lưu Bang tâu rằng: “Tề vốn nước nhiều biến loạn, nhiều điều gian trá bất trắc. Phía nam giáp nước Sở, nếu không lập giả vương thì không thể bình định được. Xin hãy lập tức cho thần được làm giả vương.” Như vậy Hàn Tín xin để bản thân được làm “giả Tề Vương,” ý tứ là Tề Vương tạm thời.

Trước nay Lưu Bang vốn kiêng dè Hàn Tín. Trước đó bởi phải dựa vào Hàn Tín đối chọi với Hạng Vũ, nên mới đành phải trao cho Hàn Tín phần nào binh quyền. Trong khi Hàn Tín bình định nước Tề ở phía đông, Lưu Bang ở Quảng Võ bị Hạng Vũ bắn trúng vào ngực. Sau đó lúc bao vây Chung Ly Muội, không những không có kết quả, mà Lưu Bang còn bị Hạng Vũ phản kích và bị dồn vào tình thế nguy hiểm, tiến thoái lưỡng nan, chỉ có thể trông ngóng Hàn Tín sau khi dẹp yên nước Tề đến cứu viện. Đọc thư của Hàn Tín, Lưu Bang dùng dằng dặc nổi giận, lớn tiếng chửi bới ngay trước mặt sứ giả. Trương Lương đứng ở bên cạnh vội khẽ giẫm nhẹ vào chân của



*Tranh vẽ màu chân dung Trương Lương.
(Ảnh: Thanh Nhân hội)*

Lưu Bang, nhắc nhở ông ta về mối nguy thể cục, chi bằng hãy đối xử tử tế với Hàn Tín, để Hàn Tín trông coi nước Tề, bởi nếu chẳng may nước Tề phát sinh biến cố, hình thế sẽ càng bất lợi.

Lưu Bang vốn là người mưu sâu kế hiểm, nên tự biết cân nhắc nặng nhẹ, liền đổi giọng: “Nếu muốn làm thì hãy làm chân vương, có gì phải làm giả

vương?” Sau đó bèn cử Trương Lương làm đặc sứ, mang theo ấn tín đến đất Tề, phong Hàn Tín làm Tề Vương. Lúc đi Trương Lương dẫn theo đại bộ phận binh lực của Hàn Tín đến Huỳnh Dương quyết chiến với Hạng Vũ.

Phần lớn người đời sau cho rằng hành động tự xin phong vương của Hàn Tín là khởi nguồn cho bi kịch của ông. Tuy nhiên, những người ôm giữ quan điểm này đã chỉ nhìn hiện tượng ở bề mặt, mà bỏ qua tính cách cơ bản nhất của Lưu Bang và Hàn Tín.

Trước hết, việc lập Tề Vương là tình thế bắt buộc. Lưu Bang không nhìn ra được điểm này hoặc không thể chấp nhận điểm này. Hàn Tín dâng tấu thư nói thẳng vấn đề, ấy là việc làm của bậc trung thần. Thế thì ai

thích hợp làm người cai trị đất Tề đây? Hàn Tín ở đất Tề liên tiếp thắng trận, uy danh tựa như mặt trời chính ngọ, ngoài Hàn Tín ra, xác thực không còn ai có thể ổn định thế cục của nước Tề.

Thứ hai, Hàn Tín đã lập nên biết bao chiến công hiển hách cho Lưu Bang, dù có thật sự luận công thỉnh thưởng, phong ông làm Tề Vương, thì cũng không quá đáng chút nào.

Thứ ba, lòng đố kỵ chèn ép và loại trừ Hàn Tín của Lưu Bang vốn không phải từ khi Hàn Tín xin sắc phong cho mình là Tề vương mới xuất hiện, mà nó đã bắt đầu ngay từ khi rời khỏi Hán Trung. Lưu Bang đều là những lúc bản thân cùng đường bí lối mới tái dùng Hàn Tín, còn khi tình huống chỉ hơi có chút chuyển biến tốt lên, liền lập tức tước binh quyền hoặc kìm hãm sự phát triển của Hàn Tín. Tuy là Hàn Tín vẫn luôn lấy đức báo oán, một lòng trung thành và tận tâm với nhà Hán, cũng không sao cảm hóa được Lưu Bang.

10. Vũ Thiệp khuyên Hàn Tín xưng Vương

Mặc dù Lưu Bang ngay đến tước vương cũng không muốn phong cho Hàn Tín, nhưng công lao và năng lực của Hàn Tín thì trong mắt của người trong thiên hạ đã quá rõ ràng. Rất nhiều kẻ sĩ tri thức đều nhận ra Hàn Tín mới là người nắm giữ đại cục, có thể thống nhất thiên hạ. Nếu Hàn Tín đầu quân cho Lưu Bang, nhà Hán thắng, nếu ông đảo hướng nghiêng về Hạng Vũ, nước Sở thắng, còn ví như tự mình làm vương thì sẽ chia ba thiên hạ.

Hạng Vũ vốn tự tin bản thân mình là thiên hạ vô địch, xem thường mưu trí và binh pháp. Cái chết của

Long Thư là một đòn nặng giáng vào ông ta. Sau khi suy đi tính lại, Hạng Vũ đã thỉnh mời người có tài ăn nói là Vũ Thiệp đến thuyết phục Hàn Tín.

Quê của Vũ Thiệp tiếp giáp với Hoài Âm, nên có thể xem là đồng hương với Hàn Tín, người này xưa nay dựa vào tài ăn nói, hùng biện mà vang danh thiên hạ. Khi đến gặp Hàn Tín, Vũ Thiệp phân tích rõ ràng về con người của Lưu Bang, chỉ ra lòng tham không đáy, hành động bội tín bội nghĩa, trở mặt vô tình và lấy oán báo ân của ông ta. Với loại người không giảng tín nghĩa, sáng nắng chiều mưa như vậy làm sao có thể nương tựa vào được? Vũ Thiệp cho rằng Lưu Bang hiện nay chưa trở mặt với Hàn Tín, chẳng qua là vì muốn nhờ Hàn Tín đối phó Hạng Vũ. Một khi diệt xong Hạng Vũ, người kế tiếp sẽ chính là Hàn Tín. Người thông minh như Hàn Tín lẽ nào nhất định muốn dốc sức phục vụ Hán Vương để rồi khiến bản thân lâm vào tình cảnh nguy hiểm hay sao?

Vũ Thiệp đưa ra những lập luận sâu sắc, lời lẽ sắc sảo để thuyết phục, nhưng Hàn Tín không chút động tâm và biểu đạt lòng trung thành với Lưu Bang “dù chết cũng không thay đổi.” Ông nhờ Vũ Thiệp gửi lời cảm ơn đến Hạng Vương. Thấy thái độ cương quyết của Hàn Tín, Vũ Thiệp đành phải hậm hực ra về.

Sau khi Vũ Thiệp rời đi, tâm phúc của Hàn Tín là Khoái Triệt cũng đến thảo luận với ông về chủ đề này. Hiểu rõ Hàn Tín trọng nghĩa khinh lợi, có ân ắt báo, nên Khoái Triệt đã mượn thuật xem tướng mặt mà đưa ra ý kiến với Hàn Tín. Ông nói bản thân từng được cao nhân chỉ dạy, am hiểu sâu sắc thuật xem tướng bí truyền, có thể từ vóc dáng, khuôn mặt mà suy đoán ra vận mệnh,

trước nay đều linh nghiệm. Hàn Tín quả nhiên cảm thấy hứng thú, nhờ Khoái Triệt xem tướng cho mình.

Khoái Triệt bảo Hàn Tín lệnh cho lui tùy tùng, một lời hai ý nói rằng: “Xem tướng mặt của tướng quân thì nhiều nhất cũng chỉ được phong hầu, hơn nữa còn có nguy hiểm. Nhưng xem tướng lưng của ngài, thì phú quý vô lượng.” Chữ “lưng [bối] mà Khoái Triệt nói ở đây ngụ ý là quay lưng rời bỏ Hán Vương, còn từ “mặt” [diện] là đối lập với lưng, ý chỉ trung thành với Hán Vương.

Khoái Triệt tiếp tục: “Thời đầu khi thiên hạ đại loạn, các anh hùng hào kiệt đều giương cờ xưng vương, vạn người quy tụ hưởng ứng. Lúc bấy giờ, họ chỉ có một mục đích là lật đổ nhà Tần mà thôi. Hiện tại thế cục đang biến thành Sở-Hán tương tranh, khiến vô số người vô tội chết thảm, gan mật, xương cốt phơi đầy đồng hoang.

Hạng Vũ tuy có khởi đầu tốt, uy danh vang dội thiên hạ, thế nhưng hiện tại lại đang bị hãm ở khu vực Thành Phụ, ba năm không có đột phá gì. Hán Vương dẫn theo 10 vạn đại quân dựa vào địa hình thuận lợi ở vùng Lạc Dương, mỗi ngày đánh tới mấy trận nhưng chẳng được tấc đất nào, liên tiếp bại trận tháo lui, họ đều là những người không đủ mưu trí và dũng cảm.

Đến nay, nhuệ khí của cả hai bên đều đã hết, tài lực cạn kiệt, bách tính chán ghét cảnh chiến tranh dai dẳng, mong mỗi một cuộc sống yên ổn, nhưng không biết dựa vào ai. Trước tình thế này, nếu không có người thánh hiền và đại đức, thì khó có thể dập tắt được sự họa loạn của thiên hạ. Hiện tại vận mệnh của hai vị vương đều nằm trong tay ngài, ngài giúp Hán thì Hán thắng, ngài giúp Sở thì Sở thắng. Tôi sẵn lòng giải bày tâm can với ngài, xin dâng ngu kế của mình, chỉ sợ ngài không muốn

dùng mà thôi. Theo kế sách của tôi thì tốt nhất là không giúp bên nào cả, ngài và họ chia ba thiên hạ, tạo thế chân vạc.

Với tài năng thánh hiền của ngài, lại thêm binh lực lớn mạnh và lãnh thổ rộng lớn của các nước Tề, Yên, Triệu Đại, sẽ có thể khống chế được hai nhà Lưu-Hạng. Chúng ta thuận theo ý dân thì người trong thiên hạ nhất định sẽ đến hưởng ứng chúng ta. Lấy đức, lấy lễ đối đãi với các chư hầu thì họ nhất định sẽ đến quy thuận, thiên hạ sẽ thuộc về Tề. Người ta thường nói: ‘Trời cho mà không lấy, thì ngược lại không chừng phải chịu tội; thời đến mà không hành động, thì sẽ nhận lấy tai ương,’ vậy nên mong ngài hãy suy xét cho thật kỹ.

Hàn Tín nói: “Hán Vương có ân huệ với tôi. Tôi nghe nói rằng ‘Đi xe người thì lo cho nỗi lo của người, mặc áo của người thì giúp gánh vác nỗi ưu tư của người, ăn cơm của người thì chết cho việc của người,’ tôi sao có thể vì tư lợi của bản thân mà bội tín bội nghĩa chứ?”

Khoái Triệt nói: Túc hạ tự cho là mình chỗ giao hảo với Hán Vương, muốn xây dựng nên cơ nghiệp muôn đời, tôi thiết nghĩ điều này có chỗ không đúng. Nói như Trương Nhĩ, Trần Dư, xưa kia vốn là đôi bạn tri kỷ đồng sinh cộng tử, thế nhưng chỉ vì chút hiểu lầm nhỏ nhỏ mà đã xem nhau như kẻ thù không đội trời chung, chỉ muốn mau giết đối phương cho hả dạ. Ham muốn nhiều sẽ sinh họa loạn, hơn nữa lòng người khó lường! Tình nghĩa giữa tướng quân với Hán Vương không thể so sánh được với tình cảm của Trương Nhĩ và Trần Dư thuở ban đầu. Thế nhưng sự hiểu lầm giữa tướng quân với Hán Vương lại vượt xa mâu thuẫn của hai người kia, vì sao ngài tin rằng Hán Vương không hại ngài chứ?

Có câu nói rằng: ‘Thú hoang hết, thì chó săn cũng bị đem nấu; nước địch phá xong, thì mưu thần cũng chết.’ Xưa kia đại phu Văn Chung có công phục hưng nước Việt, giúp Câu Tiễn lên ngôi bá vương, vậy mà bản thân lại rơi vào cảnh công thành thân vong. Hai ví dụ này còn chưa nói rõ vấn đề sao? Tôi nghe nói rằng những người dũng mãnh mưu trí khiến cho bậc quân chủ e sợ, thì bản thân họ rất dễ gặp nguy hiểm. Người có công lao cái thế thì lại không được ban thưởng.

Ngài vượt Tây Hà, bắt Ngụy vương làm tù binh, bắt sống Hạ Duyệt, dẫn binh xuống Tỉnh Hình, giết Thành An Quân, chiêu hàng Triệu, uy hiếp Yên, bình định Tề, bẻ gãy 20 vạn quân chi viện của Sở ở phía nam, giết Long Thư ở phía đông, trở về tây để báo tin thắng trận, đó chính là công lao cái thế vô song và mưu lược thiên hạ đệ nhất vô nhị. Nếu ngài theo Hạng Vũ, ông ấy cũng không dám tin tưởng ngài, nếu như theo Hán Vương, Hán Vương nhất định sẽ có lo lắng trong lòng, vậy thì ngài còn có thể quy thuận ai đây? Ở địa vị bầy tôi mà công lao thiên hạ không ai có thể so bì, tôi thấy nguy thay cho ngài!”

Hàn Tín cắt lời Khoái Triệt và nói: “Tiên sinh không cần nói thêm nữa, để tôi suy nghĩ đã.”

Vài ngày trôi qua, không thấy Hàn Tín có động tĩnh, Khoái Triệt lại đi thuyết phục một lần nữa, nói rằng: “Biết lắng nghe ý kiến là điều kiện để thành sự, có thể đưa ra quyết định chính xác là nhân tố then chốt để thành công. Thời cơ dễ mất khó được. Xin ngài hãy suy xét thật kỹ.”

Hàn Tín vẫn luôn không muốn phản Hán. Khoái Triệt tự biết sự tình hệ trọng, nếu cuộc trò chuyện giữa

họ bị tiết lộ ra bên ngoài, nhất định sẽ gặp họa diệt môn, bèn giả điên làm thầy cúng, sống tha hương.

Hàn Tín quyết không tự lập mình làm vương, kết cục cuối cùng quả thật đã ứng nghiệm với dự ngôn của Vũ Thiệp, rằng: “Hạng vương hôm nay vong, ngày mai ắt đến lượt túc hạ.” Người đời sau đối với điều này bình phẩm không ít. Rất nhiều người không thể lý giải được tấm lòng “thà để người thiên hạ phụ ta, ta quyết không phụ người thiên hạ” của Hàn Tín, và xem việc ông xem thường sinh tử, trọng lời hứa là hành động “ngu muội.” Cũng có người sau nói rằng tài hoa cái thế của Hàn Tín chỉ có thể dùng ở mặt quân sự, còn về mặt chính trị thì không phải là đối thủ của Lưu Bang. Kỳ thật, thắng lợi của Hàn Tín trên chiến trường vốn không phải chỉ dựa vào binh hùng tướng mạnh, thường là những lúc thân



Hán Cao Tổ Lưu Bang (Ảnh: Epoch Times)

lâm vào cảnh đường cùng thế yếu, dùng mưu trí phi phạm giành được thắng lợi.

Loại trí mưu này không chỉ cần có khả năng quan sát cực kỳ tỉ mỉ tinh tế, sự phán đoán tình thế vô cùng chuẩn xác, mà còn cần phải là người quả cảm, khí phách siêu phàm, loại

trí huệ này dùng vào đâu thì cũng không ai có thể so sánh được. Ông đã không làm theo kế của Khoái Triệt!

Đây chính là Hàn Tín của lịch sử!

Lưu Bang kia cũng đạt tới trình độ hiếm có trong lịch sử xưa nay, nhưng là về sự cay độc đa nghi mặt dày vô liêm sỉ, chứ không phải là có trí lực và gan dạ sáng suốt hơn người. Trên thực tế, tất cả những thành quả to lớn quan trọng trong chiến tranh Sở-Hán đều do một tay Hàn Tín làm nên, còn thành tựu lớn nhất của Lưu Bang chỉ là cướp công lao của người khác về tay mình mà thôi.

11. Tứ diện Sở ca

Hạng Vũ thất bại trong việc kích động Hàn Tín, bản thân lại tứ bề thọ địch nên rất lo lắng. Lưu Bang cũng kiệt sức vì đánh mãi mà không thắng, bèn đề nghị “phân chia thiên hạ” để giảng hòa với Hạng Vũ, thỏa thuận lấy Hồng Câu làm ranh giới, phía đông thuộc về Sở, phía tây thuộc về Hán, hưu binh bãi trận. Hạng Vũ đưa song thân và thê tử của Lưu Bang trở lại trại của quân Hán. Vào tháng 9 năm 202 trước Công nguyên dẫn quân về phía đông. Lưu Bang cũng định thu binh về Quan Trung.

Trương Lương và Trần Bình có ý kiến khác, họ nói rằng: Hán đã được phần lớn thiên hạ và được sự ủng hộ của các chư hầu, bây giờ quân Sở đã binh cùng lực cạn, chính là lúc trời diệt Sở rồi, chi bằng nhân cơ hội này mà diệt đi. Lưu Bang chấp thuận đề nghị này, lợi dụng việc Hạng Vũ rút quân về phía đông để bắt ngờ mở cuộc tấn công, đồng thời hẹn Hàn Tín và Bành Việt xuống phía nam để bao vây quân Sở. Lưu Bang nôn nóng tiến lên, trước khi Hàn Tín và Bành Việt đến đã truy kích

Hạng Vũ đến Cổ Lăng, Hà Nam. Khi đó Anh Bố và Lưu Giả bị quân Sở giữ chân trong khu vực Thọ Xuân, còn riêng quân của Lưu Bang đối mặt với Hạng Vũ.

Hạng Vũ vốn đã muốn phân cao thấp với Lưu Bang từ lâu, lại thêm tức giận trước việc quân Hán vi phạm hòa ước, Hạng Vũ tiên phong dẫn đầu, quân Sở khí thế như dòi non lấp biển xông thẳng vào quân Hán. Lưu Bang đại bại, đành phải tự thủ trong thành. Lúc này, ông lại nghĩ đến Hàn Tín, bèn hỏi Trương Lương kế làm sao mới có thể nhờ Hàn Tín đưa quân đến giải vây. Trương Lương biết rằng việc Lưu Bang có thể đối chọi được với Hạng Vũ là do công lao của Hàn Tín, cộng với sự trợ giúp của Bành Việt và Anh Bố sẽ làm cho lực lượng quân Sở suy yếu. Giờ nước Sở sắp diệt vong mà những công thần này một tấc đất vẫn chưa được phong, đặc biệt là Hàn Tín. Đất đai, binh lính, chiến lợi phẩm thu được từ những trận chiến của ông đều bị Lưu Bang cưỡng đoạt, chỉ còn lưu lại cái chức tướng quốc hữu danh vô thực, về tình về lý đều rất khó để mở miệng cầu cứu một lần nữa. Vì thế, ông kiến nghị lấy đất của Hạng Vũ giao cho mấy vị công thần này, và sau đó yêu cầu họ giải vây ở Cổ Lăng. Lưu Bang không có kế sách gì hay nên chỉ có thể miễn cưỡng đồng ý.

Trước khi nhận lệnh của Lưu Bang, Hàn Tín đã bắt đầu bao vây tấn công Hạng Vũ. Đầu tiên ông cử Quán Anh, người quen chinh chiến tấn công từ phía sau lưng Hạng Vũ. Quán Anh tung hoành ngang dọc, thế như gió cuốn mây tàn, chiếm được một vùng đất rộng lớn từ phía bắc đến đất Tề, phía nam đến Quảng Lăng (Dương Châu, Giang Tô ngày nay). Khi Lưu Bang cầu cứu Hàn Tín, Hàn Tín đích thân mặc áo giáp ra trận, đem mười

vạn đại quân hô hào tiến về phía nam. Cục diện trận chiến đã theo đó mà biến đổi nhanh chóng.

Khi đó, quân đội của nước Sở chủ yếu tập trung ở một dải từ Cổ Lăng đến Thọ Xuân, trong khi kinh thành Bành Thành phòng thủ yếu ớt. Hàn Tín xem xét toàn cục và quyết định tránh Cổ Lăng, trực tiếp chiếm lĩnh Bành Thành. Đầu tiên ông cho hợp nhất với quân của Quán Anh, đánh bại Hạng Thanh ở Hạ Bi, chém đầu Tiết Công. Thừa thắng xông lên hạ được các huyện Tiết, huyện Lưu, huyện Bái, một trận chiếm được Bành Thành, bắt trụ quốc của Hạng Vũ (Tể tướng) là Hạng Đà làm tù binh.

Bành Thành vừa mất, quân Sở liền mất đi chỗ dựa. Hạng Vũ vô cùng hoảng sợ, lập tức rời bỏ Cổ Lăng và dẫn quân rút về Cai Hạ. Hàn Tín chuyển hướng về phía tây và hợp lực cùng Lưu Bang ở Di Hương (tức Lộc Ấp, Hà Nam ngày nay). Anh Bố và Bành Việt cũng chạy đến đó, đại quân của Lưu Bang từ các hướng tập hợp lại nên thế lực tăng lên rất nhiều, liền bám theo và truy đuổi quân Sở đến Cai Hạ. Trong thời gian ngắn, từ Quan Trung đến Trung Nguyên, từ Trung Nguyên đến Tề Lỗ, liên tiếp mấy ngàn dặm, người ngựa rầm rập, kinh thiên động địa. Trận quyết chiến cuối cùng của Hán Sở sắp được mở màn.

Hạng Vũ dẫn binh đi đến Cai Hạ (nay là phía nam huyện Linh Bích, tỉnh An Huy ngày nay), nhìn quân Hán đang dồn dập kéo đến, ông không khỏi ngửa mặt lên trời buông tiếng thở dài, tiếc rằng hồi đầu không nên thả Lưu Bang, còn bị ông ta lừa dối giảng hòa. Giờ đây, ông ta bội ước dấy binh, khiến bản thân mắc kẹt trong vòng vây của quân Hán, không còn nơi nào để đi. Tuy

nhiên, Hạng Vũ anh dũng một đời, kiêu quyết đấu lấy ít địch nhiều này vốn đã quen thuộc từ lâu, trong trận Cự Lộc năm đó, ông từng với ba vạn binh mã đại phá quân Tần hơn bốn mươi vạn; trong trận Bành Thành, ông với ba vạn binh mã đánh bại năm mươi sáu vạn quân Hán. Trong cuộc đời của mình, ông chưa từng bị đánh bại trên chiến trường. Lần này, với mười vạn quân bên cạnh, cũng có thể làm nên kỳ tích. Ông tập trung binh lực vào một chỗ, lên kế hoạch làm tê liệt bộ phận chỉ huy của quân Hán, sau đó thừa cơ phá vòng vây.

Nhưng Hạng Vũ quên rằng đối thủ của ông lần này không phải cùng hạng với Chương Hàm và Lưu Bang, mà là một Hàn Tín vô địch thiên hạ. Tất cả mọi người, kể cả Lưu Bang, đều tin rằng chỉ có Hàn Tín mới là đối thủ thực sự của Hạng Vũ. Lưu Bang cho Hàn Tín làm thống soái toàn quân, chỉ huy đại quân 70 vạn binh. Hàn Tín hiểu rất rõ Hạng Vũ, ông đã dự đoán được cách bài binh bố trận của Hạng Vũ, đứng trước tình hình quân Sở sức chiến đấu mạnh, giỏi về đột phá trực diện. Số lượng quân Hán chiếm đa số, nên ông đã bày “ngũ quân trận” (năm cánh quân) rất là chặt chẽ: Hàn Tín tự mình dẫn 30 vạn quân đi tiên phong, tướng quân Khổng Hy ở bên trái, Phí tướng quân Trần Hạ ở bên phải, Lưu Bang dẫn đại quân ở giữa và Chu Bột, Hạ Sài, Vũ Điện ở phía sau.

Ngũ quân trận đã bày xong, Hàn Tín cảm thấy thời cơ quyết chiến đã chín muồi, bèn hạ lệnh cho quân lính hướng về doanh trại quân Sở hô to:

Nhân tâm giai bối Sở, thiên hạ dĩ thuộc Lưu
Hàn Tín đồn Cai Hạ, yếu trăm Bá Vương đầu
Tạm dịch:

Lòng người đều phản Sở, thiên hạ thuộc về Lưu.

Hàn Tín đến Cai Hạ, muốn chém đầu Bá Vương

Hạng Vũ nghe xong, tức giận đến sôi máu, lập tức khoác áo giáp ra trận, dẫn đầu quân Sở ra nghênh chiến. Chỉ thấy Hạng Vũ uy nghi trên lưng ngựa, thân hình cao lớn như thần. Ngựa giỏi người tài, hổ gầm rồng rú, vẫn là bá khí ngất trời, không ai bì nổi.



Hạng Vũ nghe xong, tức giận đến sôi máu, lập tức khoác áo giáp ra trận, dẫn đầu quân Sở ra nghênh chiến. (Ảnh: Cung cấp bởi “Tiểu đàm phong vân”/NTD)

Đối diện quân Sở với khí thế bi phẫn, binh mã Hàn Tín rất nhanh chóng rơi vào yếu thế. Hàn Tín theo phương án đã dự liệu trước đó, lệnh cho quân cánh giữa rút lui, tránh nhuệ khí của quân Sở. Hàn Tín rút lui, Hạng Vũ liền xông lên đuổi theo, lúc đó, hai đội quân bên cạnh đã được bố trí từ trước liền xông ra chém giết,

tấn công mãnh liệt quân Sở ở hai bên cạnh sườn. Trong khi quân Sở đang khốn khó bởi quân Hán ở hai bên sườn, Hàn Tín lại dẫn binh quay ngược lại đánh, ba mặt giáp công quân Sở, hai bên kịch chiến một ngày, quân Sở cuối cùng đại bại, tổn thất phần lớn binh mã.

Việc lập kế hoạch chiến thuật và chỉ huy tại trận của Hàn Tín trong trận chiến này thật hoàn hảo. Ông không giống như Hạng Vũ đơn thuần dựa vào bản lĩnh cá nhân, mà phát huy tối đa sức mạnh của toàn quân, đồng thời cũng rất giỏi về chiến tranh tâm lý.

Hạng Vũ bị đánh bại và dẫn tàn quân trở về bản doanh bế môn bất xuất. Hàn Tín không phát động tấn công mà chỉ bao vây quân Sở tứ phía.

Mười vạn quân Sở trải qua trận chiến thương vong hơn một nửa, bên trong không có lương thảo, bên ngoài không có quân tiếp viện, lại đúng vào thời kỳ lạnh nhất, rét buốt thấu xương, quân Sở chịu đói chịu rét, đã có nhiều lời oán thán.

Giữa đêm, gió lạnh tê lương, như khóc như hờn. Một khúc trầm buồn Sở ca từ trong gió vọng về, lúc đầu nhàn nhạt xa xôi, càng ngày càng gần, càng ngày càng rõ ràng. Đó chính là Hàn Tín đã cho quân Hán dùng tiếng hát khơi gợi nỗi nhớ nhà của quân Sở. Khi quân sĩ của Hạng Vũ nghe tiếng hát quê hương thì không khỏi lệ rơi đầy mặt, có người không kìm được mà khẽ hát theo, một người, hai người... càng lúc càng nhiều người hát, tiếng hát càng lúc càng lớn, vang vọng khắp doanh trại quân Sở. Đây chính là điển cố “Tứ diện Sở ca.”

Tiếng hát ở bên ngoài, Hạng Vũ cũng đã nghe thấy. Tiếng hát tê lương và sâu lắng khiến người anh hùng cả đời trên yên ngựa này cũng rơi lệ. Ông hỏi người

thiếp Ngu Cơ bên cạnh: Chẳng lẽ quân Hán đã chiếm hết đất Sở rồi sao? Làm sao mà có nhiều người Sở trong quân Hán vậy?

Bên ngoài trướng của Hạng Vũ, binh sĩ của ông từng đám người lau nước mắt, buông vũ khí trong tay rồi bí mật trốn ra ngoài doanh trại, các tướng lĩnh đã theo Hạng Vũ nhiều năm cũng không từ mà biệt, ngay cả người chú của Hạng Vũ cũng bí mật bỏ đi. Qua một đêm, bên cạnh Hạng Vũ chỉ còn lại hơn một ngàn người.

Hạng Vũ ngồi trong trướng uống rượu giải sầu, ngâm xướng lên khúc ca bi tráng cảm khái của người anh hùng lúc đường cùng:

Lực bạt sơn hề, khí cái thế, thời bất lợi hề truy bất thệ.

Truy bất thệ hề khả nại hà? Ngu hề, Ngu hề nại nhược hà!

Tạm dịch:

Sức dời núi, khí cái thế, không gặp thời thì ngựa Ô Truy cũng không qua được.

Ngựa không qua được phải làm sao? Ngu Cơ, Ngu Cơ làm thế nào hồi nàng?

Tả hữu nghe xong, đều cúi đầu rơi lệ, không ngược nhìn nổi. Ngu Cơ rút thanh bảo kiếm từ chỗ thị vệ, vung kiếm múa giải sầu cho Hạng Vũ. Nàng vừa ca vừa múa:

Hán binh dĩ lực địa, tứ diện Sở ca thanh

Trượng phu ý khí tận, tiện thiếp hà liêu sinh

Tạm dịch:

Quân Hán chiếm hết đất, Sở ca vang bốn bề

Trượng phu chí khí tận, tiện thiếp sống làm chi

Hát xong vung kiếm tạt sát, ngã quy xuống dưới chân Hạng Vũ.

虞姬



Ngu Cơ (Ảnh: Phạm vi công cộng)

Đêm hôm đó, trăng sao mờ tối, gió lạnh từng cơn. Hạng Vũ lòng đầy bi thương chôn cất Ngu Cơ giữa tiếng hát về nước Sở bốn bề. Từng là một Sở Bá Vương bất khả chiến bại, giờ đây nhìn cảnh hoang tàn khắp nơi, nhìn quanh doanh trại trống rỗng, biết rằng thời thế đã qua, không đủ sức xoay chuyển đất trời, ông bèn lên ngựa Ô Truy, suốt đêm đột phá vòng vây trốn về phương nam. Lúc này phía sau ông chỉ còn có tám trăm kỵ binh.

Rạng sáng, quân Hán phát hiện ra Hạng Vũ đã trốn thoát, Hàn Tín liền lập tức phái Quán Anh với năm nghìn kỵ binh tinh nhuệ đuổi theo truy kích. Lưu Bang treo giải thưởng, bất kể là ai, giết được Hạng Vũ sẽ được cấp đất phong hầu.

Hạng Vũ chạy mãi về phía đông nam, dọc đường hao binh tổn tướng, sau khi vượt sông Hoài, xung quanh chỉ còn hơn một trăm người. Lúc này, ông lại bị người nông dân ở đó lừa chỉ sai đường, nên đi vào đầm lầy, quân Hán nhanh chóng đuổi kịp. Sau một hồi giao tranh, ông xông ra khỏi vòng vây, chỉ có hai tám người theo sau, mà phía sau có hàng ngàn quân Hán đuổi theo.

Hạng Vũ nói với hai mươi tám quân sĩ con em quê nhà đi theo mình cho đến lúc chết: “Ta từ lúc dấy binh chống lại nhà Tần đến nay đã tám năm trời, thân trải qua hơn bảy mươi trận chiến, đã đánh là thắng, đã công là hạ được nên mới xưng bá thiên hạ. Nay phải chịu khốn khó ở đây, đó là trời muốn diệt ta, chứ không phải ta đánh không giỏi. Có điều tuy trời xanh muốn diệt ta, ta còn muốn cùng quân Hán so tài một phen, ta muốn tam trận tam thắng, để chứng minh lời ta không phải nói khoác.”

Binh mã quân Hán dần dần đuổi kịp, tạo thành vòng vây vây chặt Hạng Vũ và 28 tráng sĩ thuộc hạ của ông. Hạng Vũ điềm tĩnh như không, chỉ huy thuộc hạ từ bốn phía xuất kích, hẹn sẽ tập hợp ở bên sườn núi đối diện.

Hạng Vũ làm gương đi đầu xông thẳng vào quân Hán, chém đầu một tướng Hán trước mặt. Quân Hán bao vây xung quanh Hạng Vũ, Hạng Vũ tả xung hữu đột, người ngựa tung hoành một lúc sau giết được một tướng Hán và mấy chục quân Hán, sau đó ông lui về tập hợp với những người còn lại. Lúc này, quân của ông đã bị quân Hán xẻ thành ba đội và bao vây thành từng lớp từng lớp. Hạng Vũ ra vào như chốn không người, chém đầu mấy tướng Hán và vô số quân Hán, cuối cùng tập hợp lại một chỗ và thấy rằng chỉ tổn thất mất hai người.

Quân Hán bị sự dũng mãnh của ông làm cho kinh sợ, không dám tiến lên, trơ mắt nhìn bọn họ đột phá vòng vây mà đi.

Hạng Vũ tiến về phía nam đến tận bờ sông Ô Giang. Đình trưởng Ô Giang lái một chiếc thuyền nhỏ đến đón, mời Hạng Vũ qua sông, nói về Giang Đông đợi thời cơ làm lại từ đầu. Hạng Vũ nhìn dòng sông đang cuồn cuộn, nói với đình trưởng: “Ta năm đó đem tám nghìn con em họ tây chinh thiên hạ, đến nay không thể đem một người trở về, còn mặt mũi nào mà gặp mặt phụ lão Giang Đông?”

Hạng Vũ khước từ ý tốt của đình trưởng, kiên quyết không chịu lên thuyền. Ông đem con ngựa Ô Truy mình cưỡi tặng cho đình trưởng, sau đó bảo 26 dũng sĩ bên cạnh xuống ngựa, đi bộ ngược lại, đón quân Hán từ phía sau đuổi tới.

Hai bên dùng
đoản binh đánh giáp
lá cà, đánh mãi cho
đến chiều tối, trời
đất tối đen. Bỗng
nhiên Hạng Vũ nhìn
thấy trong quân Hán
có một người quen,
ông dùng kiếm trong
tay, nói: “Ông không
phải là bạn cũ của ta
Lữ Mã Đổng sao?”

Lữ Mã Đổng xấu
hổ cúi đầu, Hạng Vũ
không để ý đến thái
độ của ông ta tiếp
tục nói: “Nghe nói Hán Vương lấy hai ngàn lượng vàng
và vạn hộ hầu thưởng cho ai lấy đầu của ta, ta tặng cho
ông gọi là chút ân tình nhé!” nói xong liền tự sát mà
chết. Người anh hùng khí phách bao trùm thiên hạ một
thời đã kết thúc cuộc đời mình như vậy, cũng là kết thúc
cục diện Hán-Sở tranh hùng.

Trong lịch sử Trung Quốc, cùng một thời kỳ đã sinh
ra hai vị danh tướng cấp Thần là cực kỳ hiếm có. Thời
mạt Tần lại xuất hiện sự kiện trọng đại này: Một người
là Bá Vương thiên cổ không có người thứ hai, người kia
là Binh Tiên dụng binh như Thần Hàn Tín. Trên chiến
trường hai bên chủ soái vừa xuất trận, không đợi giao
tranh, thắng thua đã định rồi, đó chính là tầng thứ năng
lượng của ai cao hơn. Đối với Hàn Tín, việc ông chiến
thắng Sở Bá Vương đã chứng minh được năng lực trí



*Sở Bá Vương Hạng Vũ.
(Ảnh:Epoch Times)*

淮陰侯



宋諫議錢公昆題侯廟云築壇拜日恩雖厚躡足封時慮已深
隆準早知同鳥喙將軍應起五湖心

Hàn Tín và lời đề bạt trong cuốn "Văn tiểu đường họa truyện" do Thượng Quan Châu khắc họa 120 nhân vật lịch sử. (Ảnh: Phạm vi công cộng)

huệ thiên tài và địa vị lịch sử của mình, trở thành Bình Tiên mà các binh gia hậu thế tôn xưng. Đối với Hạng Vũ, mặc dù bại trận, thua trong tay Hàn Tín, cũng không làm hổ danh một Bá Vương vô cùng hiển hách.

Hạng Vũ khởi binh năm 24 tuổi, ba năm sau xưng Bá, đến 31 tuổi thì tự sát. Trận Cai Hạ là thất bại duy nhất trong đời của ông. Ông bá khí ngút trời, dũng mãnh vô địch và Hàn Tín là người duy nhất có thể đánh bại ông. Nếu không có Hàn Tín, Lưu Bang thậm chí không thể ra khỏi Hán Trung, dù có ra khỏi Hán Trung cũng không thể tránh khỏi kết cục bị Hạng Vũ đánh bại. Chẳng trách Lưu Bang nói: “Nắm trong tay trăm vạn quân, đã đánh là thắng, tiến công là nhất định lấy được, thì ta không bằng Hàn Tín” (Sử Ký-Cao Tổ bản kỷ), “Nhà Hán sở dĩ có được thiên hạ, nói chung đều là nhờ công lao của Hàn Tín cả.” (“Tur trị thông giám, Hán kỷ tứ” Bắc Tống Tư Mã Quang Ngữ)

Hàn Tín không chỉ “dùng bè gỗ phá Ngụy, dựng cờ Hán đả phá Triệu, lấy bao cát phá Tề, tất cả đều như từ trên trời xuống, không cần phải huyết chiến với kẻ địch” (Lời bình của Mao Khôn thời Minh). Dùng cách “Tứ diện Sở ca” để phá Sở cũng là điển hình của “từ trên trời xuống, không cần huyết chiến với kẻ địch.” Thật có thể nói là Thần nhân dùng binh, không đánh mà thắng.

Chương 4: Công cao chấn chủ, chung thất mộng oan (công cao át chủ, bị oan ở nhà chuông)

1. Tề Vương tới Sở, kế du Vân Mộng

Lưu Bang được Hàn Tín cùng vua các chư hầu đề cử, bước lên ngôi vị Hoàng đế, xưng hiệu là Hán Cao Tổ. Đúng như Vũ Thiệp và Khoái Triệt dự đoán, sau khi Lưu Bang giành được ngôi báu, tình cảnh của Hàn Tín ngày càng thê thảm.

Kết thúc trận chiến Cai Hạ, quân Hán rút về phía Bắc tới Định Đào, Lưu Bang đã đột nhiên tập kích, xông vào trong doanh trại của Hàn Tín thu hết quyền binh trong tay ông, lại gấp rút đổi đất phong của Hàn Tín từ đất Tề phiê nhiều thành đất Sở, cách xa những vùng đất mà một tay Hàn Tín thu về là Nước Tề, nước Triệu, nước Yên.

Hàn Tín lòng dạ ngay thẳng, đối với sự tuyệt tình đoạn nghĩa của Lưu Bang cũng không oán thán, bình tĩnh trở về cố hương của mình là nước Sở.

Về đến quê nhà, trước tiên ông tìm ân nhân là Phiêu mẫu (người giặt đồ bên sông), tặng cho bà nghìn lượng vàng để hậu tạ. Sau đó lại tìm đến đình trưởng Nam Xương, cho ông ta một trăm tiền, gọi là trả tiền cơm năm xưa. Hàn Tín nói với đình trưởng: “Người làm việc tốt nhưng có thủy mà không có chung (ý có đầu mà không có cuối), chỉ có thể xem là một kẻ tiểu nhân không hiểu nhân tình đại nghĩa.” Cuối cùng ông tìm đến người thanh niên đã bắt ông chui qua háng chịu nhục, người thanh niên này nghe nói tân Sở Vương chính là

người bị ông ta làm nhục – Hàn Tín, cho rằng bản thân chết đến nơi rồi, nơm nớp lo sợ đến gặp Hàn Tín. Hàn Tín không làm khó ông ta, còn khen ông ta là tráng sĩ, phong cho ông ta chức “trung úy,” trông coi trị an của kinh thành.

Sau khi giải quyết xong những việc riêng tư này, Hàn Tín bắt đầu cai quản lãnh địa của mình. Ông trước tiên đi tuần tra thị sát đất Sở, giải quyết các vấn đề cấp thiết của người dân sau chiến tranh, thành lập một đội quân để bảo vệ thái ấp, kế hoạch của ông là xây dựng một nước Sở phồn vinh và hùng mạnh.

Nhưng Lưu Bang không hề có ý định để Hàn Tín lên ngôi Vương. Hàn Tín là khai quốc công thần, để xóa bỏ ngôi vương của ông, Lưu Bang buộc cho Hàn Tín tội “mưu phản.”

Vào tháng 12 năm Hán Cao Tổ thứ 6 (201 TCN), Lưu Bang đột nhiên nói với các tướng lĩnh dưới trướng rằng: “Có người tố cáo Hàn Tín mưu phản. Các khanh nghĩ phải xử lý như thế nào?” Những tướng lĩnh này toàn thuộc loại hữu dũng vô mưu, đều hô to “lập tức xuất binh, giết chết tên tiểu tử này!” Lưu Bang tự biết là vô cơ xuất binh, nên trầm mặc hồi lâu, cuối cùng quay qua hỏi kế Trần Bình.

Trần Bình rất giỏi mưu lược, nhưng có tài vô đức. Ngay khi Lưu Bang lên tiếng, ông ta liền biết rằng Hàn Tín kỳ thực không có mưu phản. Sau khi chứng minh suy đoán của mình, ông nói với Lưu Bang: “Quân của bộ hạ không tinh nhuệ bằng quân của Hàn Tín, các tướng lĩnh cũng không ai vượt qua được Hàn Tín, dấy binh tấn công sẽ ép Hàn Tín quyết chiến, như vậy đối với bộ hạ đó là việc nguy hiểm.” Ông ta bày kế cho Lưu Bang giả

vờ du ngoạn đi săn ở Vân Mộng, Hồ Bắc và lệnh cho chư hầu đến Trần Địa, Hà Nam để yết kiến. Trần Địa ở biên giới nước Sở, Hàn Tín đến thì có thể bắt ông ta dễ như trở bàn tay.

Lưu Bang vui mừng áp dụng kế sách của Trần Bình, liền cử người báo tin cho Hàn Tín đến Trần Địa tương kiến. Hàn Tín không mấy may nghi ngờ gì, đích thân đi yết kiến. Ngay khi gặp mặt, Lưu Bang đã thét ra lệnh cho các võ sĩ bắt Hàn Tín, Hàn Tín đang kinh ngạc thảng thốt, thì đã phải thúc thủ chịu trói.

Bấy giờ mục tiêu đã đạt được, Lưu Bang cũng không đi săn ở Vân Mộng nữa, mà lập tức dọn đường hồi cung. Hàn Tín khi đó mới nhận ra rằng chuyến đi của Lưu Bang là dành riêng cho mình. Ông vô cùng tức giận hô to rằng: “Quả như người ta nói: “Thỏ chết, chó săn bị hầm; chim cao đã hết, cung tốt bị giấu; kẻ địch bị diệt, mưu thần vong.’ Thiên hạ đã định, ta nay chắc chết!”

Lưu Bang nghe xong, mặt đỏ tía tai mãi không nói lên lời, suy nghĩ hồi lâu mới nói, “Có người tố người mưu phản.”

Lưu Bang thừa biết không có lý do chính đáng mà bắt khai quốc công thần, tất nhiên không thể khiến lòng người khâm phục. Cho nên vừa về đến Lạc Dương ông liền đại xá thiên hạ, nhân đó tha bổng Hàn Tín nhưng không cho về Sở, giáng xuống là Hoài Âm Hầu giữ lại ở đô thành, không thể quay về đất phong, cũng không có quân đội, thực tế là giam lỏng Hàn Tín.

2. Vong Tướng chi tử (cái chết của tướng quân chạy trốn)

Sau khi Hạng Vũ chết, tướng nước Sở là Chung Ly Muội vì tránh họa đã trốn khắp nơi. Lưu Bang do mấy lần bại dưới tay Chung Ly Muội nên ghi nhớ mối hận trong lòng, xuống lệnh truy bắt. Bởi vì Hàn Tín đã từng đầu quân cho Hạng Vũ, trong “Sử ký, Hoài Âm Hầu liệt truyện” của Tư Mã Thiên đã đưa Chung Ly Muội và Hàn Tín liên hệ với nhau, nói Chung trên đường chạy trốn đã quy thuận Hàn Tín. Lưu Bang lệnh cho Hàn Tín bắt giữ Chung Ly Muội, Hàn Tín kháng lệnh bất tuân. Khi Lưu Bang du ngoạn đi săn ở Vân Mộng, Hàn Tín vì sự an toàn của mình đã ép Chung Ly Muội tự sát. Con cháu họ Chung khi biên soạn “gia phả họ Chung” cũng theo cách nói đó, càng làm tăng thêm sự hiểu lầm của người đời. Khảo sát tỉ mỉ, phát hiện thực tế không phải như vậy.

Trong “Sử ký: Tần Sở chi tế nguyệt biểu” (ghi chép sử trong thời kỳ Tần Sở) ghi rõ: “Tháng 9 năm thứ 5, Vương [Hàn Tín] bắt được tướng cũ của Hạng Vũ Chung Ly Muội, trảm ông ta.” Điều này chứng tỏ Chung Ly Muội bị bắt vào tháng 9 năm thứ 5 Hán Cao Tổ. Mà cái gọi là Hàn Tín “mưu phản” được ghi là “nhà Hán năm thứ 6.” Cho nên khi Lưu Bang du ngoạn đi săn ở Vân Mộng, Chung Ly Muội đã chết được hơn một năm rồi, không có chuyện Hàn Tín vì bảo toàn tính mạng của mình mà bức Chung Ly Muội tự sát.

Như vậy có hay không có chuyện Hàn Tín vì thu giữ Chung Ly Muội mà dẫn đến họa sát thân? Đáp án cũng là không. Hai người tuy cùng là thuộc hạ dưới trướng của Hạng Vũ, nhưng một người là đại tướng cao sang, một

người là lang trung cầm kích thấp kém, thật khó tưởng tượng giữa hai người này có quan hệ qua lại. Từ đoạn đối thoại Lưu Bang hỏi kế Trần Bình mà nhận định, thì thấy tự thân bọn họ cũng hiểu rất rõ là Hàn Tín chưa có bất kỳ hành vi hổ thẹn nào với Lưu Bang, đây cũng là tiền đề cho kế Vân Mộng thành công. Kế Vân Mộng trên bề mặt xem ra không có sai sót, kỳ thực lại rất nhiều kẽ hở. Vân Mộng cũng chính là động Đình Hồ, tại Hồ Na. Đất phong của Hàn Tín tại Sở, tức là một dải Giang Tô. Lưu Bang từ Quan Trung (thung lũng Quan Trung, Tần Lĩnh, Thiểm Tây) đến Vân Mộng hướng về phía nam, còn đất Sở là hướng đông, hoàn toàn không phải thuận đường. Nếu như Hàn Tín có lưu giữ Chung Ly Muội thì khi Lưu Bang đến, ông nhất định sẽ không thể không phòng bị gì mà ra nghênh đón. Cho nên giả thuyết Hàn Tín “trảm Muội yết thượng” hoàn toàn không đúng.

3. Sắp xếp lại binh thư

Hàn Tín văn võ song toàn, khi cưỡi ngựa là Thần soái, khi cầm bút như Thái Đấu. Ông đã cùng Tiêu Hà chỉnh sửa lại luật pháp trong quân, cũng đã cùng với Trương Lương chỉnh lý lại binh pháp để lại từ thời tiên Tần. Trong “Hán thư: Cao Đế ký” còn ghi rõ “Hàn Tín và Trương Lương” chỉnh lý lại binh pháp, từ 182 gia, lược bỏ đi chỉ lấy chỗ cần thiết, định lại còn 35 gia. Điều gọi là “sắp xếp” chính là sắp xếp thứ tự các mục và hiệu đính văn bản. Đây là lần chỉnh lý binh thư cổ đại có quy mô lớn đầu tiên trong lịch sử.

Hàn Tín căn cứ vào “Tư Mã pháp” (binh pháp của Tư Mã Nương Thư) để phân loại các tư tưởng của binh gia, đem binh pháp phân thành 4 loại: “quyền mưu, hình

thái, âm dương, kỹ xảo.” Sau này “Kỷ tấu binh lục” (ghi chép các bài tấu về dùng binh) của Dương Bộc thời kỳ Vũ Đế và những người như Nhậm Hoảng, Lưu Hượng và Lưu Hâm thời kỳ Thành Đế khi hiệu đính chỉnh lý binh thư đều không thoát ly khỏi quy chế mà Hàn Tín đã thiết lập. Loại phương pháp phân loại này đã được hậu thế coi là kinh điển, trở thành quy chuẩn mẫu mực về biên soạn binh thư và lý luận binh pháp.

Hàn Tín cũng đã dùng khoảng thời gian bị quản thúc và ở nhà để viết sách. Ông đã làm được ba thiên binh pháp “Hàn Tín,” tổng kết và dung hợp binh học thời Tiên Tần, khiến cho binh thư thời trước nhà Hán có thể được lưu giữ lại cho đời sau một cách tương đối hoàn chỉnh. Cuốn sách này thuộc về một trong mười ba gia của “Bình quyền mưu.”

Ban Cố giải thích về “Bình quyền mưu”: “quyền mưu giả, dĩ chính thủ quốc, dĩ kỳ dụng binh, tiên kế nhi hậu chiến, kiêm hình thế, bao âm dương, dụng kỹ xảo giả dã.” Nghĩa là “người quyền mưu, lấy ngay chính để giữ nước, lấy mưu kế kỳ lạ để dụng binh, mưu kế trước đánh trận sau, nắm bắt được hình thế, am hiểu âm dương, biết dùng người tài.” Đó chính là điểm tinh túy thực sự trong binh pháp Trung Quốc.

4. Oan khuất ở nhà chuông

Sau khi Lưu Bang đăng cơ, các vị Vương khác họ được phong vào thời cùng Hạng Vũ tranh bá như Bành Việt, Anh Bố, Hàn Tín v.v. đều trở thành mối họa tâm phúc khiến ông ta ngày đêm lo lắng, tất muốn nhổ đi cho nhanh. Trong số những vị vương khác họ thì tài

năng và danh tiếng của Hàn Tín là lớn nhất, càng khiến Lưu Bang đổ kỵ không thể yên tâm.

Sau khi Hàn Tín bị giam lỏng, biết Lưu Bang kiêng dè công lao của mình, nên thường xuyên cáo bệnh không ra, hành sự thì khiêm cung nhẫn nhịn. Hàn Tín chỉ ở trong nhà chỉnh lý binh pháp, Lưu Bang thỉnh thoảng đến thăm. Có một lần Lưu Bang hỏi Hàn Tín: “Người xem ta có thể chỉ huy bao nhiêu binh sĩ?” Hàn Tín thẳng thắn trả lời: “Nhiều nhất là 10 vạn”. Lưu Bang lại hỏi: “Thế còn bản thân nhà ngươi? có thể cầm bao nhiêu quân?” Hàn Tín trả lời: “Càng nhiều càng tốt”. Đây chính là khởi nguồn của thành ngữ “Hàn Tín điểm binh, càng nhiều càng tốt”. Lưu Bang nghe xong liền cười lớn, “Người cầm binh càng nhiều càng tốt, sao lại phải làm thần tử của ta?” Hàn Tín bình tĩnh trả lời: “Bệ hạ tuy không giỏi cầm quân, nhưng lại giỏi cầm tướng, cho nên thần là bề tôi của bệ hạ. Vị trí của Bệ hạ là do trời ban, hoàn toàn không phải là do sức người tranh đoạt được”. Lời nói này của Hàn Tín là muốn nói với Lưu Bang, tuy tài năng của ông cao hơn Lưu Bang nhưng hoàn toàn không phải vì thế mà trong lòng có ý làm phản, nhòm ngó ngôi vị. Ai có thể lên ngôi vị hoàng đế đều là do thượng thiên quyết định, cũng không phải do con người có thể cải biến được.

Tuy là như vậy, Lưu Bang vẫn không muốn buông tha cho ông. Ông ta e dè Hàn Tín công lao cái thế, hành vi đoan chính, nếu xử trí vội vàng sẽ khiến quần thần chán nản, thiên hạ bất mãn. Huống chi hồi đầu Hàn Tín công lao cao ngất, ông ta đã từng đáp ứng với Hàn Tín “tam bất sát”, chính là “thấy trời không giết, thấy đất không giết, thấy sắt không giết”. Ông ta muốn giết Hàn Tín, lại

không muốn lưu tiếng xấu “lấy oán báo ân”, “vong ân bội nghĩa”, cứ mãi khổ sở vì không có kế nào vẹn toàn cả đôi. Vợ của Lưu Bang Lã Hậu nhìn rõ tâm tư của ông ta, coi thường ông ta dám nghĩ mà không dám làm, liền rắp tâm làm thay.

Lã Hậu, tên là Trĩ, là người cố chấp, thâm hiểm độc ác. Thời con trẻ cả gia đình vì trốn tránh kẻ thù mà dời đến huyện Bái. Phụ thân của bà là Lã Công thấy Lưu Bang tướng mạo hơn người, bèn đem Lã Trĩ gả cho Lưu Bang. Khi Lưu Bang bị thua Hạng Vũ ở Bành Thành, trong lúc loạn lạc đã bị thất tán gia đình. Lã Hậu và cha mẹ của Lưu Bang bị quân Hạng Vũ bắt làm tù binh, trở thành con tin. Mãi cho đến khi Hàn Tín chiếm được nước Tề, công chiếm được kho lương của quân Sở, Hạng Vũ bị ép phải nghị hòa ở Hồng Câu, phóng thích người nhà của Lưu Bang, Lã Hậu mới được kết thúc cuộc sống con tin, trở về bên cạnh Lưu Bang.

Nói như vậy thì Hàn Tín là ân nhân của Lã Hậu. Có điều bà ta không nghĩ đến chuyện đó. Không lâu sau, khai quốc công thần Trần Hy tự xưng Vương nước Đại, liên hợp Hàn Vương Tín, Yên Vương Quán khởi binh làm loạn. Lưu Bang thân chinh dẫn quân bắc phạt, Lã Hậu và Tiêu Hà bảo vệ kinh đô Trường An. Lã Hậu biết thời cơ đã tới, liền mua chuộc môn đồ của Hàn Tín là Loan Thuyết, phong cho ông ta là Thận Dương hầu, để ông ta vu cáo Hàn Tín “mưu phản”. Sau đó ép Tiêu Hà ra mặt, nói dối là Lưu Bang đã dẹp được phiến quân chiến thắng trở về, yêu cầu chư hầu và quần thần vào triều chúc mừng, dùng cách đó lừa Hàn Tín vào cung. Một Tiêu Hà tinh khôn hơn người lẽ nào không nhận

ra chứng cứ trong tay Lã Hậu là không đáng tin, nhưng sợ thủ đoạn độc ác của bà ta nên không dám trái mệnh.

Tiêu Hà nắm đó toàn lực tiến cử Hàn Tín làm đại tướng quân, thống lĩnh ba quân, có thể nói là tri âm của Hàn Tín. Do vậy Hàn Tín đối với Tiêu Hà nhất mực tôn kính và hết lòng tin tưởng. Tuy trong lòng ông không muốn tham dự buổi chiều này, nhưng nể mặt Tiêu Hà, cố gắng gượng đến Trường Lạc cung. Vừa mới tiến vào, võ sĩ đã mai phục sẵn nhất tề xông lên, vây chặt Hàn Tín. Hàn Tín khi đó biết là mình mắc bẫy vội kêu Tiêu Hà, nhưng ở đâu có bóng dáng của Tiêu Hà? Lã Hậu ngồi ở trên điện, nét mặt và giọng nói nghiêm trang, chỉ trích Hàn Tín có ý muốn hại bà và Thái tử, căn bản là không cho Hàn Tín cơ hội để giải bày, rồi đưa ông vào nhà treo chuông trong cung Trường Lạc xử tội chết. Một đời danh tướng đã bị Lã Hậu tính kế giết hại như vậy.

Giết Hàn Tín rồi, Lã Hậu vẫn chưa muốn dừng tay, lại hạ lệnh diệt ba đời phụ mẫu và thê tử của Hàn Tín. Khi đó tháng giêng mùa đông giá rét, tuyết lớn mênh mông che phủ bầu trời, mấy ngàn người vô tội, máu nhuộm Trường An, âm thanh gào khóc đi kèm với tiếng gió rít của gió bắc lạnh thấu xương phiêu đảng khắp trên bầu trời Trường An. Người dân khắp thành Trường An đều than khóc, không ai không cảm thấy bi thương. Mọi người đều nói Hoài Âm Hầu đã lấy nghìn vàng để đền ơn bát cơm Phiếu mẫu, làm sao lại có thể phản bội lại Hoàng Đế đã nhường cơm xẻ áo năm đó? Nếu như thật sự có tâm mưu phản, lại có thể chỉ vì mấy câu của Tiêu Hà mà dễ dàng tiến cung chiều mừng? Nếu như Hàn Tín không có phản bội Hoàng Đế, là Hoàng Đế hẳn tâm cô

phụ tấm lòng trung của Hàn Tín, vậy thì cái chết của Hàn Tín chẳng phải là chết oan hay sao?

Lưu Bang bình định được Trần Hy xong quay về nghe thấy tin Hàn Tín chết rồi, không hỏi Lã Hậu vì sao giết Hàn Tín, cũng không trách vì sao không đợi ông ta về rồi hãy xử lý, chỉ hỏi Hàn Tín trước khi chết có nói gì không. Sử sách có ghi lại phản ứng của ông ta là “vừa vui mừng vừa thương xót”, một mặt là trù được mối họa lớn trong lòng, mặt khác lại cảm thấy Hàn Tín thực sự rất đáng thương.

Sát hại Hàn Tín xong, bọn họ lại dùng thủ đoạn tương tự đối phó Bành Việt. Bành Việt người Xương Ấp, xuất thân là giặc cướp ở vùng đầm cỏ. Khi Lưu Bang phụng mệnh Sở Hoài Vương xuất binh tây tiến, Bành Việt liền dẫn quân trợ giúp. Trong chiến tranh Hán-Sở, Bành Việt luôn ở hậu phương kiềm chế Hạng Vũ, đã giải tỏa được rất nhiều áp lực cho Lưu Bang. Khi Lưu Bang ở lúc vô cùng khó khăn, ông ta lại tịch thu được lượng lớn lương thực cung cấp cho quân của Lưu Bang. Trước cuộc quyết chiến hai bên Lưu-Hạng, Lưu Bang đã từng giao ước với Hàn Tín và Bành Việt là sau khi thắng lợi sẽ chia ba thiên hạ. Sau này chỉ phong Bành Việt là Lương Vương, Bành Việt cũng không để ý lắm về chuyện đó.

Bành Việt và Lưu Bang về tuổi tác gần bằng nhau, tính khí tính cách cũng tương đồng, trong lớp khai quốc công thần, ông ta là gần gũi với Lưu Bang nhất. Ông xử lý công việc thận trọng, đặc biệt là sau khi Hàn Tín bị phế là Hoài Âm Hầu thì ông ta càng cẩn thận từng ly từng tý, như dấm trên tảng băng mỏng.

Khi Trần Hy phản loạn, Lưu Bang lệnh cho Vương chư hầu cùng xuất binh đi chinh phạt. Bành Việt tuổi tác

đã cao, lại lúc có bệnh, bèn cử bộ tướng xuất binh đến Hàm Đan hội sư với Lưu Bang, Lưu Bang rất tức giận. Sau khi về tới Lạc Dương, Lưu Bang định cho ông tội danh mưu phản rồi phế làm thứ dân, lưu đày ở huyện Thanh Y nước Thục.

Bành Việt trên đường đi lưu đày gặp Lã Hậu, ông tưởng rằng gặp được cứu tinh liền khóc lóc trước mặt Hoàng hậu kể lể bị oan, cũng nói là mình tuổi tác cao rồi, không cầu gì khác, chỉ muốn có thể về lại quê nhà ở Xương Ấp sống nốt những năm cuối đời là mãn nguyện lắm rồi, không dám có ý đồ gì khác. Lã Hậu đỡ Bành Việt lên rồi trấn an ông ta nói: “Lương Vương không cần phải đau buồn, tất cả đã có ta, người lên xa giá theo ta về Lạc Dương, gặp Hoàng Thượng, ta sẽ nói hộ người”.

Vừa về đến Lạc Dương, bà ta liền trách cứ Hán Cao Tổ thả hổ về rừng, nên hổ cắn tận gốc, để trừ hậu họa. Vì để định vưng tội danh của Bành Việt, bà ta mua người ở thuê của thuộc hạ của ông ta để ông ta vu cáo Bành Việt mưu phản, thủ đoạn và cách đối phó giống như cùng vệt bánh xe với Hàn Tín. Kết quả, Bành Việt xui xẻo không những thân vong tộc diệt, Lã Hậu còn sai người đem thi thể của ông ta băm nát làm thành tương thịt phân phát cho các chư hầu thưởng thức.

Lưu Bang và Lã Hậu lo lắng rằng việc sát hại Hàn Tín sẽ bị đời sau chê trách, liền thêm dặt tội danh, tạo chứng cứ. Không chỉ chụp cho Hàn Tín tội mưu phản mà còn đem cái chết của Lệ Thục Kỳ và Chung Ly Muội đổ lên đầu Hàn Tín nhằm làm ô uế danh tiếng của ông và còn đem những điều đó ghi vào trong hồ sơ chính thức và trong sử sách, khiến chân tướng lịch sử đã bị che đậy.

Trong “Sử ký” cũng ghi chép là Hàn Tín cùng với Trần Hy bàn bạc về việc mưu phản. Nếu như Hàn Tín xác thực có lòng mưu phản, tại sao khi ở chức Tề Vương, ông có đầy đủ thực lực cùng Lưu Bang, Hạng Vũ lập thế chân vạc lại không làm phản, mà ở vào tình thế không binh không lính lại tạo phản? Phân tích những ghi chép trong “Sử ký” đối chiếu với ghi chép liên quan đến việc Hàn Tín mưu phản, đều có thể nhận thấy rất nhiều chỗ mâu thuẫn:

Thứ nhất, khi Lưu Bang còn chưa định rõ thắng thua, Hàn Tín đã cự tuyệt khi Khoái Thông đến dụ thuyết, đợi đến lúc Lưu Bang công thành danh toại ông lại thay lòng đổi ý? Một tướng soái am tường binh pháp có hành vi như thế là trái với lẽ thường.

Thứ hai, Hàn Tín hai lần bị Lưu Bang đột kích tước binh quyền, cộng thêm sự phân tích của Khoái Thông, Hàn Tín không thể không phát hiện được sự nghi kỵ và sợ hãi của Lưu Bang đối với ông. Nhưng khi Lưu Bang bị Hạng Vũ vây khốn ở Cổ lăng ông không mưu phản, khi đến đất Sở làm Sở Vương không mưu phản, khi đón Lưu Bang ở đất Trần không mưu phản, vì có gì vào lúc không quyền không binh, ẩn cư ở Trường An lại mưu phản?

Thứ ba, với trí huệ của Hàn Tín, không thể nào dưới tình huống bị giám sát, mà ông cùng với Trần Hy “tránh tả hữu rồi cùng ông ta đi vào trong triều” bàn bạc việc mưu phản. Giả sử xác thực có chuyện đó, khi Hàn Tín và Trần Hy bàn tính mưu phản cũng không có người thứ ba ở đó, người ngoài làm sao biết được nội dung? Ghi chép của Tư Mã Thiên làm sao có thể chi tiết như thế?

Thứ tư, Trần Hy là thân tín của Lưu Bang, Trần Hy với Hàn Tín là quan hệ thông thường, mưu phản là chuyện lớn liên quan đến tính mệnh của cả gia tộc, Hàn Tín không thể tùy tiện cùng với thân tín của Hoàng đế thổ lộ tâm tư. Trần Hy đến Cự Lộc nhậm chức được mấy năm, không có thông tin qua lại với Hàn Tín, nên nói ông ta là đồng mưu với Hàn Tín khó mà khiến người ta tin phục.

Trái lại, xem xét hành vi của Lã Hậu và Lưu Bang, thực hư chuyện Hàn Tín “mưu phản” còn chưa rõ, Lã Hậu đã dụ ông vào mà giết. Đối với đệ nhất công thần bị giết, Lưu Bang hoàn toàn không trách cứ Lã Hậu, thậm chí không điều tra thêm, chỉ có thể nói là bọn họ đã bày mưu từ trước.

Hàn Tín bị giết, người đời sau đua nhau biểu lộ cách nhìn. Có người nói lúc Hàn Tín dâng đàn bái tướng đã gây ra sự đổ kỵ của đám người Lưu Bang. Cũng có người nói là Hàn Tín ỷ có công cao sinh ra ngạo mạn dẫn tới tai họa. Còn có người cho rằng Hàn Tín tuy là danh tướng kiệt xuất, giỏi mưu kế với thiên hạ, nhưng lại thiếu trí huệ xử thế, tính toán cho mình kém. Kỳ thực từ cá tính và tâm địa của Lưu Bang mà nói, những vị vương khác họ như Hàn Tín, Bành Việt, Anh Bố đều khó tránh vận xui xẻo.

Sau khi Hàn Tín, Bành Việt bị giết, mấy vị vương khác họ có công rất lớn trong cuộc chiến Hán Sở, cũng đều bị giết vì đủ loại lý do, chỉ có Trường Sa Vương Ngô Nhuế chết sớm, may mắn được thiên chung. Sau đó, Lưu Bang cùng các đại thần giết ngựa trắng hội thề: “Không phải họ Lưu mà làm vương, thiên hạ sẽ cùng đánh người đó” (“Sử ký-Lã thái hậu bản ký”). Có thể

thấy việc trừ bỏ những vị vương khác họ là quốc sách đã định của Lưu Bang, đây mới chính là nguyên nhân thực sự khiến Hàn Tín bị giết.

Hoài Nam Vương Anh Bố bị tố cáo, bởi vì sợ hãi nên đã dấy binh tạo phản. Lưu Bang tuổi cao lại có bệnh nhưng vẫn buộc phải xuất chinh, hao binh tổn của mãi mới diệt và bình định được Anh Bố, Lưu Bang cũng bị thương do trúng tên.

Người bạn được tín nhiệm nhất của Lưu Bang là Yên Vương Lưu Quán vì lo cho mình đã liên lạc với Hung Nô, bị phát hiện phải chạy trốn sang Hung Nô.

Không lâu, do vừa bị bệnh vừa bị thương, nên một đời kiêu hùng Lưu Bang đã chết trong sự cô lập hoàn toàn.

Lời kết:

Hàn Tín giành được thiên hạ cho nhà Hán, nhưng Lưu Bang quý kế đa đoan, mặt dày vô sỉ đã được hưởng trọn thành quả ấy. Sau Lưu Bang lại lấy tội danh “mưu phản” chụp mũ, khiến cho chiến thần một đời oai phong lẫm liệt, công cao cái thế chết oan ở trong cung Trường Lạc, để lại một mối hận nghìn thu.

Là một nhà quân sự, trong tất cả chiến dịch mà Hàn Tín chỉ huy, không kể là lấy ít thắng nhiều, lấy nhiều đánh ít, hay là lấy yếu thắng mạnh đều là dùng trí tuệ mà giành được chiến thắng. Minh tu sạn đạo, lén vượt Trần Thương, Lâm Tấn nghi binh, thực đánh Hạ Dương, thung gỗ vượt sông, bày trận tựa sông, thay thế cò địch, truyền hịch mà định, bao cát ngăn sông, địch đến nửa sông thì đánh (bán độ nhi kích), tứ diện Sở ca, thập diện mai phục v.v. mỗi một trận chiến của Hàn Tín

đều là tuyệt tác của Thần, khiến người đời sau vô cùng ngưỡng mộ.

Là một chiến lược gia, lời mà ông nói lúc Lưu Bang lập đàn bá tướng đã trở thành sách lược căn bản của thắng lợi trong chiến tranh Hán Sở. Là thống soái, ông dưới một người, trên vạn người, dẫn quân xuất Trần Thương, bình định Tam Tần, bắt Ngụy, phá Đại, diệt Triệu, hàng Yên, phạt Tề, mãi cho đến trận chiến Cai Hạ toàn diệt quân Sở, không một lần bại. Thiên hạ không ai dám tranh với ông, chính ông là người có công tích vĩ đại lập ra cơ nghiệp kéo dài hơn 400 năm lưỡng Hán (Đông Hán và Tây Hán).

Là nhà lý luận quân sự, ông cùng với Trương Lương chính lý binh thư, đồng thời có ba thiên binh pháp.

Các nhà quân sự nội ngoại cổ kim, hoặc là giỏi về bày mưu tính kế, hoặc giỏi về công thành trăm tướng, hoặc chuyên soạn thảo binh pháp, mà bản thân Hàn Tín kiêm tất cả. Ông không chỉ tung hoành ngang dọc, hô mưa gọi gió, mà còn kế thừa và phát huy các phái binh pháp của tiền nhân. Tài thao lược quân sự và mưu trí dụng binh trác việt của ông đã được các nhà quân sự đời sau tôn sùng ngưỡng mộ.

Phẩm chất, trí tuệ của Hàn Tín và những chiến tích mà ông lập được trên chiến trường, đã sớm trở thành thành ngữ và điển cố mà nhiều người ưa thích, như: bữa cơm Xương đình, chịu nhục chui háng, thay cũ đổi mới, hàn Khê dạ trướng (Tiêu Hà đuổi theo Hàn Tín), quốc sĩ vô song (nhân tài đất nước), dăng đàn cao đối, cái dũng của kẻ thất phu, lòng nhân của đàn bà, đau tận xương cốt, không hề tơ hào, làm trái lẽ thường, truyền hịch mà định, khí nuốt sơn hà, mộc anh lén độ, một mình

trấn giữ, thay thế cờ địch, nghìn cái đúng có một cái sai, nghìn cái sai có một cái đúng (người trí tính toán một nghìn lần sẽ có một lần sai, người ngu tính một nghìn lần sẽ có một lần đúng), an giáp hựu binh (đình chiến), bao cát ngăn sông, kẻ địch qua nửa sông thì đánh, thịt nát xương tan, bất khả thắng số (nhiều không kể xiết), thời cơ không thể để mất, mất rồi không quay lại (cơ bất khả thất, thất bất tái lai), đặt chân tình vào bụng người ta (đắc nhân tâm), lòng người khó lường, thế ba chân vạc, dũng lược chấn chủ, công cái thiên hạ, nhường cơm xẻ áo dù chết không phản, đi xe người ta thì chung hoạn nạn với người ta, mặc áo của người ta thì lo chung nỗi lo với người ta, ăn cơm người ta thì chết vì việc của người ta, thập diện mai phục, tứ diện Sở ca, không thành nào không hạ không trận chiến nào không thắng, bát cơm ngàn vàng, lấy đức báo oán, điều tâm cung tàng, thổ tử cầu phan, quốc phá thần vong (chim hết thì cất cung, thỏ chết thì chó săn bị nấu, phá được nước địch thì mưu thần vong), đa đa ích thiện (càng nhiều càng tốt), biết co biết duỗi, thành bại Tiêu Hà (thành do Tiêu Hà, bại cũng do Tiêu Hà), công cao bất nhị – lược bất thể xuất (công cao không có người thứ hai nào so được, mưu lược cao minh trên thế gian không xuất hiện thêm ai khác), binh thiên thần soái v.v., đã ảnh hưởng đến nền văn hóa 5,000 năm Trung Hoa và được lưu truyền thiên thu vạn đại.

(Hết)

Nhân vật thiên cổ anh hùng



Đế Nghiêu



Đế Thuấn



Đế Vũ



Tần Thủy Hoàng



Hán Vũ Đế



Hàn Tín



Tào Tháo



Lưu Bị



Tôn Quyền



Gia Cát Lượng



Chu Du



Đường Thái Tông



Lý Bạch



Dương Diên Chiếu



Nhạc Phi



Thành Cát Tư Hãn



Hốt Tất Liệt



Minh Thành Tổ



Trương Tam Phong



Lý Tự Thành



Khang Hy



Hồng Tú Toàn



Tôn Trung Sơn



Tưởng Giới Thạch

